



Từ Ý tưởng Kinh doanh đến Hiện thực

Chặng đường Gian nan

Hà Nội 2005

M ụ c l ụ c

MỤC LỤC	2
TỪ VIẾT TẮT	3
LỜI CẢM ƠN	5
TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH	7
I. GIỚI THIỆU CHUNG	7
II. PHÁT HIỆN CHÍNH	8
II. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH	9
PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: RÀO CẢN CHO THỰC HIỆN Ý T-ỞNG KINH DOANH	11
I. ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ MỞ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	11
1. Thủ tục Đăng ký Kinh doanh	11
2. Thực tế đăng ký kinh doanh	12
II. KHẮC DẤU	15
1. Thủ tục và hồ sơ xin khắc dấu	15
2. Thực tế	16
III. ĐĂNG KÝ MÃ SỐ THUẾ	17
1. Thủ tục Đăng ký Mã số thuế (MST)	17
2. Thực tế	18
IV. MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH TẠI NGÂN HÀNG	19
V. MUA HÓA ĐƠN	20
1. Thủ tục mua hóa đơn	20
2. Hóa đơn Tự in	21
3. Thực tế của Quá trình Mua hóa đơn và Xin Sử dụng Hóa đơn Tự in	22
VI. MẶT BẰNG KINH DOANH	23
1. Thủ tục giao đất, thuê đất và chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất	23
2. Tình hình thực tế của việc giao đất, thuê đất và chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất	26
VII. XÂY DỰNG NHÀ X-ỞNG	30
1. Thủ tục về xây dựng công trình.	30
2. Thực tế	32
VIII. GIẤY PHÉP KINH DOANH, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ VÀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH	32
1. Đa dạng về hình thức và cơ quan cấp phép	33
2. Không rõ về nội dung, mục tiêu, thủ tục, trình tự và thẩm quyền cấp phép	34
3. Tính hình thức của giấy phép.	35
4. Thực thi của cơ quan thực thi	36
PHẦN II. PHÁT HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ	39
I. Phát hiện	39
II. Kiến nghị	43
TÀI LIỆU THAM KHẢO	48

Từ viết tắt

LDN:	Luật Doanh nghiệp
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
CP:	Cổ phần
GCN:	Giấy chứng nhận
QSD:	Quyền sử dụng
MST:	Mã số thuế
DNNN:	Doanh nghiệp Nhà n-ớc
UBND:	Ủy ban Nhân dân
CIEM:	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung -ơng
GTZ:	Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức
GDP:	Tổng sản phẩm quốc dân
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HĐTV:	Hội đồng thành viên
VPĐD:	Văn phòng đại diện
XNK:	Xuất nhập khẩu
LXD:	Luật Xây dựng
LĐĐ:	Luật Đất đai
NSNN:	Ngân sách Nhà n-ớc
TTg:	Thủ t-ớng Chính phủ



Lời cảm ơn

Báo cáo này do Viện Quản lý Kinh tế Trung Ương (CIEM) và GTZ khởi x-ớng trong khuôn khổ hợp tác của hai cơ quan này nhằm cải thiện môi tr-ờng kinh doanh tại Việt Nam. Tiến sỹ Đinh Văn Ân (CIEM) và Bà Corinna Kuesel (GTZ) đã đặc biệt ủng hộ và tham gia định h-ớng cho quá trình thực hiện nghiên cứu. Nhóm Nghiên cứu xin chân thành cảm ơn về sự đóng góp này.

Báo cáo này đ-ợc thực hiện bởi một số chuyên gia thuộc Viện nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung -ớng (CIEM) do Ông Nguyễn Đình Cung làm tr-ởng nhóm.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ và các ý kiến đóng góp của luật gia Cao Bá Khoát, Ông Thomas Finkel, Ông Lê Duy Bình (GTZ), và Ông Raymond Mallon (chuyên gia t- vấn của GTZ) đối với nội dung của báo cáo.

Chúng tôi xin cảm ơn công ty Vision & Associates đã thực hiện công tác thu thập, xử lý và phân tích số liệu cho báo cáo. Các cán bộ phòng đăng ký kinh doanh ở các tỉnh Lào Cai, Hà Tây, Hà Nam, Hải D-ớng, Quảng Nam, An Giang và Đắc Lắc đã nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi trong việc đi khảo sát thực tế tại địa ph-ớng. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các doanh nghiệp và các cơ quan tại trung -ớng và tại các tỉnh khảo sát đã dành thời gian để trao đổi và cung cấp các thông tin quý báu cho nhóm Nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu
Hà Nội, tháng 7 năm 2005



Tóm tắt Nội dung chính

I. Giới thiệu chung

Ý tưởng kinh doanh rất đa dạng và phong phú. Tuy nhiên trên thực tế, không phải lúc nào ý tưởng kinh doanh đó cũng có thể thực hiện hoặc thực hiện được ngay để đem lại lợi ích cho nhà đầu tư và sau đó là xã hội nói chung. Có rất nhiều lý do để lý giải cho việc này. Ý tưởng không được thực hiện có thể do không phù hợp, không khả thi, do chậm thực hiện nên cơ hội kinh doanh đã qua đi, hoặc do không có năng lực tài chính. Những lý do đó có thể coi là bất khả kháng. Nhưng có một lý do rất quan trọng gây cản trở đến thực hiện ý tưởng kinh doanh là thủ tục hành chính. Những thủ tục hành chính đó đã và đang trở thành cản trở ở nhiều cấp độ khác nhau đã làm tăng chi phí cho việc thực hiện ý tưởng và hơn thế nữa, nó có thể làm cho một sáng kiến kinh doanh không thể thực hiện được hoặc chậm thực hiện dẫn đến mất cơ hội kinh doanh hoặc kinh doanh không còn hiệu quả.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng càng ở các nước nghèo thì càng có nhiều quy định kinh doanh và quy định đó càng phức tạp. Chi phí thực hiện thủ tục hành chính thường cao gấp 3 lần. Các thủ tục hành chính cũng nhiều gấp 2 lần ở các nước nghèo so với nước giàu¹. Việc có quá nhiều quy định trong kinh doanh đã loại bỏ cơ hội kinh doanh cho người nghèo, và tăng kinh doanh phi chính thức, rủi ro tham nhũng và hạn chế tăng năng suất². Do đó, cải cách và giảm bớt thủ tục hành chính phiền hà là yếu tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế.

Ở Việt Nam, theo điều tra của Ngân hàng Thế giới (công bố tháng 10 năm 2003), thời gian để hoàn tất thủ tục pháp lý kinh doanh mất 63 ngày với mức phí tổn là 29,9% mức thu nhập bình quân GDP đầu người³. Cũng theo một cuộc khảo sát gần đây của Hiệp hội Công thương Hà Nội, thì 69,99% doanh nghiệp được hỏi cho rằng phải mất 2 tháng để hoàn tất thủ tục khai sinh doanh nghiệp, trong đó 70,17% cho rằng chậm nhất ở thủ tục cấp mã số thuế và 72,7% cho rằng chậm do thủ tục mua hoá đơn. Như vậy, các nghiên cứu này cho thấy trung bình phải mất 2 tháng để hoàn tất thủ tục khai sinh doanh nghiệp ở Việt Nam. Thực tế, để một ý tưởng kinh doanh có thể bắt đầu được thực hiện được thì nhà đầu tư phải thực hiện ít nhất các công việc sau: thành lập doanh nghiệp, tìm địa điểm kinh doanh, xây dựng trụ sở, nhà xưởng và xin các loại giấy phép. Tương ứng với các công việc này là những thủ tục hành chính sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh
2. Khắc dấu

1. Doing Business in 2005: Removing Obstacles to Growth. Ấn phẩm do Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế và NXB Oxford ấn hành.

2. Doing Business in 2004: Understanding Regulation. Ấn phẩm do Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế và NXB Oxford ấn hành.

3. Trong số các nước được khảo sát (Đan Mạch, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Tân Ghine và Việt Nam) thì Việt Nam chiếm thứ hạng khá khiêm tốn, xếp thứ 7 về thời gian và cuối bảng về chi phí cao.

3. Cấp mã số thuế và mua hoá đơn
4. Mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng
5. Có địa điểm đặt trụ sở chính và/hoặc mặt bằng sản xuất
6. Xây dựng nhà x-ởng sản xuất
7. Xin giấy phép kinh doanh và/hoặc thực hiện các điều kiện kinh doanh.

Bốn thủ tục đầu tiên là bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức muốn bắt đầu triển khai một hoạt động kinh doanh. Thủ tục thứ 5 cũng có tính chất bắt buộc đối với tất cả các đối t-ợng song với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nh- th-ợng mại hoặc các lĩnh vực không đòi hỏi phải sử dụng đất, để hoàn thiện thủ tục này th-ợng đơn giản hơn vì họ chỉ cần thuê văn phòng hoặc địa điểm đặt trụ sở công ty và doanh nghiệp⁴. Tùy vào ngành nghề kinh doanh mà doanh nghiệp đòi hỏi phải thực hiện 2 thủ tục tiếp theo. Đại đa số doanh nghiệp sản xuất phải thực hiện đầy đủ 7 thủ tục nói trên. Ngoài ra trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp còn chịu phi phối bởi nhiều quy định khác nh-, thuế tuyển lao động, cơ chế về hợp đồng và đảm bảo thực hiện hợp đồng, tín dụng, thanh tra-kiểm tra, thuế, giải thể, phá sản doanh nghiệp...

Để thực hiện hết các thủ tục này, nhà đầu t- sẽ phải cần một khoảng thời gian bao lâu, chi phí là bao nhiêu và th-ợng gặp những khó khăn v-ớng mắc gì chính là mục tiêu của nghiên cứu này. Báo cáo đ-ợc chia làm 2 phần. Phần I sẽ là các phân tích từng thủ tục hành chính để trả lời các câu hỏi: (i) *thủ tục này đ-ợc quy định nh- thế nào?*, (ii) *có gì khác nhau giữa quy định này và thực tế thực hiện?* và, (iii) *nếu có, đâu là nguyên nhân của sự khác nhau đó? Từ những phân tích này, chúng ta sẽ đi đến tìm câu trả lời câu hỏi (i) những thủ tục hành chính đó có gây cản trở cho việc thực hiện ý t-ởng kinh doanh không? (ii) Nếu có thì đâu là nguyên nhân của những cản trở đó?* Các kiến nghị giải pháp giảm bớt sự phiền hà, cản trở của thủ tục hành chính gây ra cho nhà đầu t-, doanh nghiệp sẽ đ-ợc nêu trong phần II.

Báo cáo này đ-ợc thực hiện trên cơ sở phối hợp các nghiên cứu tài liệu thứ cấp và kết quả phân tích của một cuộc khảo sát đã đ-ợc CIEM và Vision & Associates phối hợp thực hiện đối với các doanh nghiệp và các cơ quan chính quyền có liên quan. Tổng số có 175 doanh nghiệp và nhiều đối t-ợng khác nhau tại 7 tỉnh gồm An Giang, Đắc Lắc, Hà Nam, Hà Tây, H-ng Yên, Lào Cai, và Quảng Nam đã tham gia các cuộc phỏng vấn của Nhóm Nghiên cứu. Kết quả chi tiết tại các tỉnh này với các số liệu và nội dung cho từng tỉnh đ-ợc trình bày trong một báo cáo riêng với sự hỗ trợ của GTZ.

Về ngắn hạn, nghiên cứu này hy vọng là tài liệu hữu ích cho việc soạn thảo và ban hành Luật Doanh nghiệp (thống nhất) và Luật Đầu t- chung. Về dài hạn, là cơ sở để xây dựng một ch-ơng trình cải cách tổng thể nhằm nâng cao chất l-ợng môi tr-ờng kinh doanh ở Việt Nam.

II. Phát hiện chính

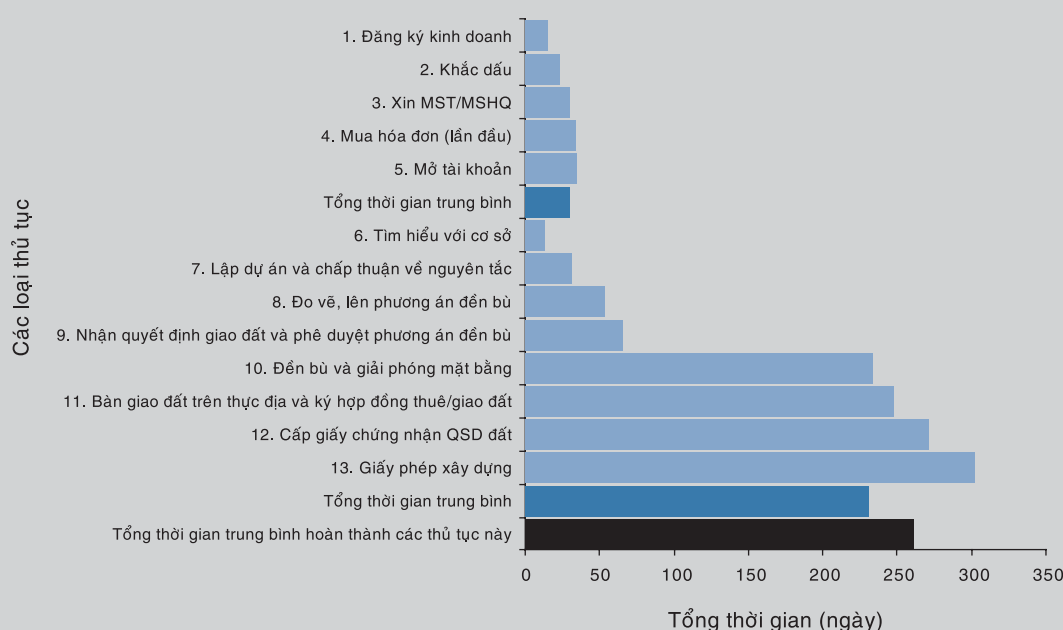
Qua nghiên cứu các quy định về các thủ tục hành chính nói trên và khảo sát thực tiễn, báo cáo đã chỉ ra đ-ợc 7 phát hiện đáng l-u ý, cụ thể:

Thủ tục hành chính thực sự là một rào cản cho việc thực hiện ý t-ởng kinh doanh. Nhà đầu t- không những phải mất một khoảng thời gian dài với nhiều chi phí không chính thức để hoàn tất các thủ tục hành chính cần thiết cho việc thực hiện một ý t-ởng kinh doanh, mà có nhiều tr-ờng hợp không thể thực hiện đ-ợc.

Thủ tục hành chính th-ợng bị kéo dài bởi việc thực thi và áp dụng pháp luật. Trong trong nhiều tr-ờng hợp, pháp luật đ-ợc giải thích theo h-ớng không có lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu t-.

4. Doanh nghiệp chỉ có thể mua đ-ợc hóa đơn VAT nếu nh- họ có địa chỉ kinh doanh rõ ràng.

Tổng thời gian hoàn thành các thủ tục cần thiết để tiến hành hoạt động kinh doanh (ngày)



Ghi chú: Thông thường chỉ các doanh nghiệp chế biến và sản xuất mới phải hoàn thiện toàn bộ cả 13 thủ tục này.

Tính không tiên liệu tr-ớc đ-ợc khi thực hiện các thủ tục hành chính: Khi bắt đầu một thủ tục hành chính, nhà đầu t- hay doanh nghiệp thậm chí không biết là có thể hoàn tất đ-ợc không và nếu có thì khi nào. Quy định luật th-ờng bị giảm hiệu lực bởi quy định d-ới luật và quy định không phải là luật. Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà n-ớc trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Quy định của pháp luật về thủ tục hành chính là phức tạp và trong nhiều tr-ờng hợp không phù hợp với thực tế.

Thái độ của chính quyền ch-a thực sự thân thiện với cộng đồng doanh nghiệp; việc thực thi nhiệm vụ của cơ quan chính quyền ch-a nhằm mục đích chủ yếu là hỗ trợ, giúp đỡ doanh nghiệp.

III. Khuyến nghị chính

Từ các phát hiện trên, nhóm tác giả đã đề xuất 8 giải pháp cụ thể nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính và để góp phần xây dựng một môi tr-ờng kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Kiến nghị bao gồm:

- 1) Chính phủ cần phải xây dựng và công khai hóa danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện cụ thể. Danh mục này phải đ-ợc xem xét điều chỉnh theo định kỳ hoặc hoặc khi phát hiện ra những bất hợp lý.
- 2) Xây dựng một ph-ơng pháp luận thống nhất về giấy phép và thiết lập một cơ chế kiểm soát việc ban hành giấy phép.
- 3) Xây dựng một ph-ơng pháp luận thống nhất về quy hoạch.
- 4) Hợp nhất thủ tục đăng ký kinh doanh, cấp mã số thuế, mua hóa đơn và khắc dấu.
- 5) Đơn giản hóa thủ tục giao đất, cho thuê đất và xây dựng nhà x-ởng.
- 6) Hoàn thiện hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 7) Tăng c-ờng sự phối hợp giữa các cơ quan nhà n-ớc.
- 8) Xây dựng một chính quyền thân thiện với nhân dân nói chung và nhà đầu t- nói riêng.



Phần 1

Thủ tục Hành chính: Rào cản cho Thực hiện Ý tưởng Kinh doanh

I. Đăng ký Kinh doanh và Mở Chi nhánh, Văn phòng Đại diện

1. Thủ tục Đăng ký Kinh doanh

Khi tiến hành kinh doanh, nhà đầu tư được tự do lựa chọn ngành nghề kinh doanh và hình thức kinh doanh phù hợp với điều kiện và nhu cầu của mình⁵. Nhà đầu tư có thể kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh cá thể. Để thành lập doanh nghiệp, nhà đầu tư phải tiến hành thủ tục đăng ký kinh doanh (ĐKKD) với cơ quan đăng ký kinh doanh. Đây là thủ tục bắt buộc để khai sinh một doanh nghiệp hay nói cách khác doanh nghiệp tồn tại từ khi được cấp *giấy chứng nhận ĐKKD*⁶. Thủ tục đăng ký kinh doanh được theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và các quy định hướng dẫn thi hành. Cụ thể như sau:

Cá nhân, tổ chức muốn thành lập doanh nghiệp, bao gồm công ty TNHH, công ty CP, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, thì gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh lên Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính⁷. Hồ sơ gồm có: (1) Đơn đăng ký kinh doanh; (2) Điều lệ đối với công ty; (3) Danh sách thành viên, cổ đông hoặc thành viên hợp danh; và (4) Xác nhận về vốn hoặc bản sao chứng chỉ hành nghề đối với ngành nghề đòi hỏi vốn pháp định hoặc chứng chỉ hành nghề.

Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ nếu có đủ các điều kiện sau: (1) Ngành nghề kinh doanh không thuộc danh mục cấm kinh doanh; (2) Tên doanh nghiệp được đặt đúng theo quy định của pháp luật; (3) Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ; và (4) Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, nếu muốn mở rộng phạm vi địa bàn kinh doanh, doanh nghiệp có thể mở thêm chi nhánh, văn phòng đại diện. Để mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, doanh nghiệp

5. Điều 7(2) Luật Doanh nghiệp quy định: doanh nghiệp có quyền “chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh”.

6. Trong quá trình hoạt động, nếu có thay đổi về nội dung ĐKKD, ví dụ như thay đổi điều lệ, vốn, ngành nghề kinh doanh, thành viên... thì doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung ĐKKD.

7. Đối với hộ kinh doanh cá thể, thủ tục đăng ký doanh có khác so với ĐKKD các loại hình doanh nghiệp.

cần một bộ hồ sơ gửi đến phòng ĐKKD tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp dự định đặt chi nhánh, VPĐD. Hồ sơ gồm: (1) Thông báo mở chi nhánh, VPĐD; (2) Bản sao Giấy Chứng nhận ĐKKD; (3) Bản sao điều lệ (đối với công ty); (4) Quyết định bằng văn bản (kèm biên bản họp) của hội đồng thành viên, chủ sở hữu, hội đồng quản trị, các thành viên hợp danh; và (5) Bản sao chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh cần có chứng chỉ hành nghề).

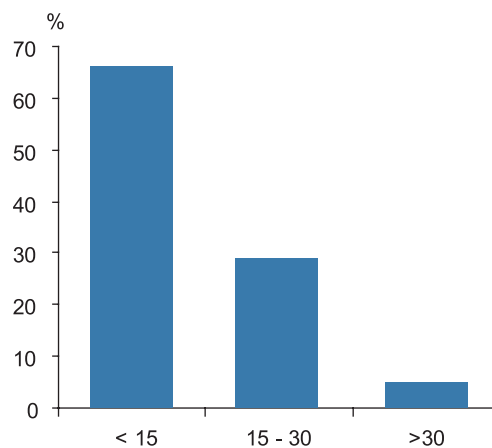
Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận đ-ợc thông báo, phòng ĐKKD cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, VPĐD nếu ngành nghề kinh doanh của chi nhánh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp; nội dung hoạt động của VPĐD phù hợp với nội dung hoạt động của doanh nghiệp.

2. Thực tế đăng ký kinh doanh

Cho đến nay, đánh giá chung cho rằng so với quy định tr-ớc đây về thành lập doanh nghiệp (theo Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp T- nhân năm 1990), thủ tục đăng ký kinh doanh đã thực sự tạo b-ớc đột phá trong cải cách hành chính. Kết quả, thời gian thành lập doanh nghiệp đã giảm từ khoảng hơn 90 xuống trung bình còn 7 ngày. Ở nhiều nơi thời gian chỉ còn khoảng 2-3 ngày (giảm đáng kể so với 15 ngày theo quy định của luật). Chi phí cho đăng ký kinh doanh cũng giảm nhiều, từ khoảng 10 triệu đồng xuống còn khoảng 500.000 đồng.⁸

Kết quả một khảo sát⁹ cho thấy có tới 66% cho biết họ nhận đ-ợc đăng ký kinh doanh trong vòng 15 ngày; 29% nhận đ-ợc Giấy Chứng nhận ĐKKD trong vòng 30 và một số ít là 5% nhận đ-ợc giấy chứng nhận ĐKKD sau hơn 1 tháng (Hình 1). H-ng Yên, Đắc Lắc, Hà Tây và Hà Nam đ-ợc xem là những địa ph-ơng có tỷ lệ lớn doanh nghiệp đ-ợc cấp ĐKKD sau 15 ngày. Kết quả này có thể gây ngạc nhiên cho một số ng-ời khi mới nhìn vào, bởi thủ tục ĐKKD theo Luật Doanh

Hình 1: Thời gian hoàn thành thủ tục ĐKKD (ngày)

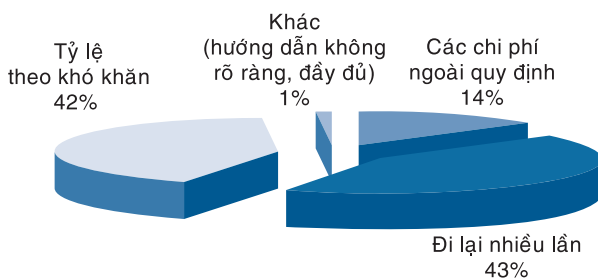


ng nghiệp 1999 đ-ợc đánh giá là rất thông thoáng nh- nêu trên.¹⁰ Việc có tới 38% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đ-ợc thành lập tr-ớc năm 2000 chỉ có thể lý giải một phần cho thực tế nói trên

bởi thủ tục thành lập doanh nghiệp tr-ớc năm 2000 đ-ợc đánh giá là rất phức tạp và đòi hỏi nhiều thời gian.

Khi tìm hiểu những khó khăn v-ớng mắc trong đăng ký kinh doanh, khoảng 75% doanh nghiệp cho rằng họ phải đi lại nhiều lần và thủ tục phiền hà. Chỉ có 4% cho rằng họ không gặp phải khó khăn nào trong ĐKKD (xem hình 2).

Hình 2: Khó khăn trong quá trình ĐKKD



8. Nguyễn Đình Cung (2004). Thời điểm cho Sự thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và Khuyến nghị. CIEM, GTZ, UNDP, tr.11.

9. Những số liệu sử dụng trong Báo cáo này lấy từ kết quả một cuộc khảo sát doanh nghiệp do Vission và CIEM phối hợp thực hiện d-ới sự tài trợ của GTZ.

10. Nguyễn Đình Cung (2004) Báo cáo đánh giá những điểm mạnh và yếu của Luật Doanh nghiệp năm 1999.

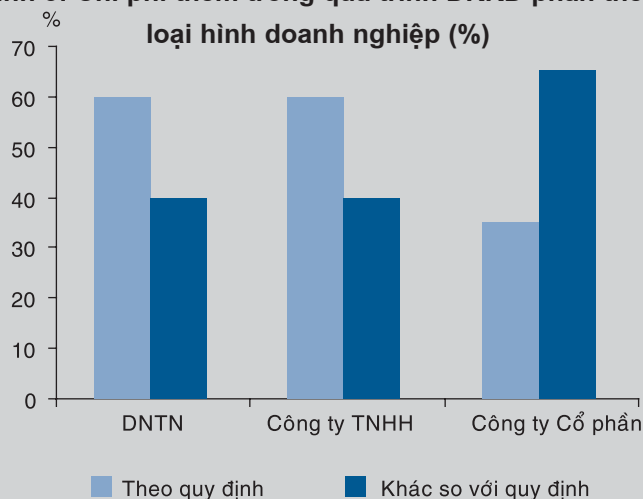
Về chi phí đăng ký kinh doanh, 45% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng họ phải có chi phí thêm ngoài lệ phí chính thức cho việc cấp ĐKKD (Bảng 18). Thực tế rất khó để xác định chi phí thêm này là bao nhiêu, nh-ng theo quan sát của chúng tôi thì chi phí này ít nhất phải gấp đôi chi phí chính thức là 100.000 đồng đối với *doanh nghiệp t- nhân* và 200.000 đồng đối với *công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần*.¹¹ 14% số doanh nghiệp cho rằng chi phí ngoài quy định là một cản trở lớn thứ ba trong ĐKKD sau sự phiền hà về thủ tục và việc phải đi lại nhiều lần. (Xem hình 2).

Một điểm đáng l-u ý thêm nữa là, tỷ lệ công ty cổ phần phải chi phí thêm khi đăng ký kinh doanh là cao, chiếm 65% tổng số công ty cổ phần. Trong khi đó, tỷ lệ này là khoảng 40% đối với doanh nghiệp t- nhân và công ty TNHH (xem hình 3). Điều này d-ờng nh- là thủ tục càng phức tạp thì càng cần nhiều chi phí ngoài phí chính thức.¹²

Khảo sát ở một số địa ph-ơng cho thấy có hai điểm đáng l-u ý về thủ tục ĐKKD trên thực tế. Một là, có những nơi, nh- ở Lào Cai, thì thời gian hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh hoặc mở chi nhánh, văn phòng đại diện th-ờng nhanh nhiều so với quy định. Có tr-ờng hợp giấy chứng nhận ĐKKD đ-ợc cấp trong ngày hoặc vài ba ngày.¹³ Ng-ợc lại, cũng có những nơi, việc đăng ký kinh doanh th-ờng kéo dài hoặc thậm chí không thể thực hiện đ-ợc. Sự khác biệt giữa quy định và thực tế này thể hiện trong những tr-ờng hợp sau:

- *Khó khăn trong ĐKKD đối với một số ngành nghề coi là “nhạy cảm”.* Những ngành nghề nh- karaoke, thuê nhà trọ, xông hơi, vũ tr-ờng, café... bị một số Bộ, UBND tỉnh, bằng văn bản hoặc thông báo bằng miệng tại các cuộc họp, giao ban, cấm kinh doanh hoặc tạm dừng vô thời hạn trong phạm vi địa ph-ơng.
- *Một số ngành nghề bị cấm vì những cảm nhận chủ quan,* nh- “cạo mủ cao su” (vì sợ ăn cắp mủ cao su của Nhà n-ớc), dịch vụ xe taxi (do sợ rằng nếu có nhiều xe taxi sẽ gây lộn xộn trong hoạt động kinh doanh loại dịch vụ này). Hơn nữa, có địa ph-ơng đã bằng chỉ đạo “miệng” ngừng đăng ký kinh doanh đối với một số ngành nghề mà doanh nghiệp nhà n-ớc đang hoạt động để bảo vệ vị thế độc quyền cho DNNN có liên quan.
- *Quyền tự do lựa chọn hình thức pháp lý tổ chức kinh doanh ở một số nơi đã bị vi phạm.* Có địa ph-ơng “ép” doanh nghiệp muốn kinh doanh ở địa ph-ơng mình phải thành lập công ty TNHH một thành viên mà không đ-ợc mở chi nhánh¹⁴. Lý do chính là nếu doanh nghiệp tỉnh khác kinh doanh tại địa ph-ơng bằng chi nhánh thì địa ph-ơng đó sẽ không thu đ-ợc thuế. Cũng có nơi quy định kinh doanh một số ngành nghề chỉ đ-ợc thực hiện d-ới hình thức doanh nghiệp. Ở Đắc Lắc, kinh doanh xăng dầu phải là doanh nghiệp t- nhân chứ không đ-ợc d-ới hình thức hộ kinh doanh cá thể.
- *Yêu cầu thêm giấy tờ khi đăng ký kinh doanh.*¹⁵ Thực tế có địa ph-ơng đã yêu cầu doanh nghiệp phải chứng minh vốn ngay cả khi ĐKKD những ngành nghề không đòi hỏi vốn pháp

Hình 3: Chi phí thêm trong quá trình ĐKKD phân theo loại hình doanh nghiệp (%)



11. Lệ phí ĐKKD đ-ợc qui định tại QĐ 83/2000/QĐ-BTC và QĐ 95/2001/QĐ-BTC.

12. Việc thành lập công ty cổ phần có thể nói phức tạp hơn công ty TNHH và DNTN bởi các yêu cầu về hồ sơ, thành viên tối thiểu...

13. Ghi chép của đoàn khảo sát tại các buổi làm việc với địa ph-ơng và doanh nghiệp. Tuy nhiên kết quả này hơi khác so với kết quả khảo sát.

14. Ghi chép tại buổi làm việc với Sở Kế hoạch Đầu t- H-ng Yên.

15. Yêu cầu này trái với quy định tại Điều 12(2) Luật Doanh nghiệp.

định.¹⁶ Có nơi, nhà đầu t- phải chứng minh quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp đối với trụ sở của doanh nghiệp. Yêu cầu phải chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với trụ sở của doanh nghiệp đã dẫn đến có tr-ờng hợp doanh nghiệp có thể bị từ chối ĐKKD chỉ vì doanh nghiệp đặt trụ sở trong phần đất bị quy hoạch của mình (mặc dù chỉ một phần diện tích đất đó rơi vào quy hoạch) hoặc cán bộ đăng ký kinh doanh cũng có thể bị kết luận là vi phạm pháp luật nếu cấp đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp đặt trụ sở trong vùng đã bị “định h-ớng” quy hoạch¹⁷.

- Trong một số tr-ờng hợp việc *đăng ký thay đổi thành viên công ty* cũng gặp khó khăn. Có nơi không giải quyết tr-ờng hợp này vì sợ rằng doanh nghiệp lợi dụng việc thay đổi thành viên để bán đất cho ng-ời khác.¹⁸ D-ới góc độ pháp lý, thì nếu việc chuyển nh-ợng vốn trong công ty là hợp pháp thì việc không đăng ký thay đổi thành viên cho công ty là trái pháp luật.
- Quy chế một cửa đang đ-ợc xem nh- điểm mấu chốt trong cải cách thủ tục hành chính. *Tuy nhiên việc vận dụng một cách máy móc cơ chế một cửa này đôi khi gây khó khăn cho hoạt động đăng ký kinh doanh.* Ở đây có thể nêu ra hai ví dụ điển hình trái ng-ợc nhau, một là ở Lào Cai và hai là ở Đắk Lắk. Ở Lào Cai, cơ chế “*một cửa*” đ-ợc áp dụng trong đăng ký kinh doanh đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho doanh nghiệp.¹⁹ Có thể gọi cơ chế này là “*cơ chế 3 trong 1*”, theo đó việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, khắc dấu, mã số thuế và/hoặc mã số hải quan đ-ợc thực hiện tại một nơi là phòng đăng ký kinh doanh. Nhà đầu t- muốn thành lập doanh nghiệp chỉ phải đến nộp hồ sơ tại phòng đăng ký kinh doanh và sau một thời hạn lại đến lại phòng đăng ký kinh doanh nhận *giấy chứng nhận ĐKKD*, dấu, mã số thuế và/hoặc mã số hải quan.²⁰ Ng-ợc lại ở Đắk Lắk, nhà đầu t- muốn đăng ký kinh doanh sẽ đến phòng một cửa để nộp hồ sơ. Sau đó, ng-ời nhận hồ sơ sẽ chuyển về phòng đăng ký kinh doanh để xử lý.²¹ Sau đó, nếu đ-ợc cấp giấy chứng nhận ĐKKD, nhà đầu t- sẽ đến nhận tại phòng một cửa. Quy trình đã gây ra một số phức tạp. Nó không những tạo thêm một “*cửa*” nữa trong quy trình đăng ký kinh doanh, mà còn trái với quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị định h-ớng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.²²

Tất cả thực tế nêu trên không chỉ làm cho việc đăng ký kinh doanh trở nên khó khăn hơn, thời gian đăng ký kinh doanh bị kéo dài, nhà đầu t- bỏ ra nhiều chi phí hơn (kể cả thời gian và tiền bạc) và trong nhiều tr-ờng hợp việc đăng ký kinh doanh không thể thực hiện đ-ợc. Có thể nói nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên là:

- *Yếu kém trong nhận thức* của một số cán bộ làm công tác quản lý nhà n-ớc, kể cả cán bộ lãnh đạo ở địa ph-ơng và cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký kinh doanh. Họ ch-a có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và bản chất của công tác đăng ký kinh doanh.²³
- *Sai lệch trong nhận thức* của một số cán bộ lãnh đạo và ban ngành khác đối với công tác đăng ký kinh doanh đã vô tình tạo nên áp lực công việc rất nặng nề cho cán bộ làm công tác này. Họ làm việc trong tinh thần th-ờng xuyên lo lắng bị phê bình, khiển trách, kỷ luật, phê phán

16. Nhiều doanh nghiệp đã phảimang cả tiền, vàng ra để chứng minh về khả năng vốn của mình với cơ quan nhà n-ớc.

17. Tại Hà Tây, ngày 25/10/2004, Thanh tra Chính phủ khi báo cáo kết quả thanh tra sử dụng đất tại khu công nghệ cao Hòa Lạc đã quy trách nhiệm cho Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu t- Hà Tây “*cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho công ty cổ phần Thiên Đức và doanh nghiệp t- nhân Lợi Lộc đ-ợc đặt trụ sở trong khu quy hoạch xây dựng công nghệ cao Hòa Lạc đã vi phạm khoản 1 Điều 4 Nghị định 02/2000/NĐ-CP và điều 2 Quyết định 372/QĐ-TTg ngày 2/6/1997*”. Quyết định này của Thủ t-ớng Chính phủ về phê duyệt “định h-ớng” quy hoạch các đô thị Miếu Môn- Xuân Mai-Hoà Lạc-Sơn Tây ở tỉnh Hà Tây, thực chất chỉ là một sự định h-ớng một ý t-ớng. Thực tế, đã 8 năm trôi qua mà hình nh- đến nay vẫn ch-a có quy hoạch chi tiết.

18. Hiện t-ợng này đ-ợc phát hiện ở H-ng Yên.

19. Cơ chế này đ-ợc thực hiện theo Quyết định 233/2004/QĐ-UB ngày 11/5/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành các quy định về trình tự, thủ tục hồ sơ đối với các doanh nghiệp đến sản xuất, kinh doanh tại Lào Cai.

20. Quy trình này về ý t-ớng đ-ợc đánh giá là tốt, nh-ng cách thực hiện còn có vấn đề (xem phân tích cụ thể hơn trong phần sau).

21. Tại cửa Phòng Đăng ký kinh doanh trong Sở Kế hoạch và Đầu t- có treo một tấm bảng: từ nay đăng ký kinh doanh sang nộp hồ sơ tại phòng một cửa.

22. Điều 13(1) Nghị định 109/2004/NĐ-CP. Xem thêm những phân tích chi tiết hơn về sự bất hợp lý của quy trình này trong phần II(1.2) của Báo cáo này.

23. Xem Cao Bá Khoát (2005): “*Đau khổ Kéo dài*”. Sự nhầm lẫn coi giấy chứng nhận ĐKKD là giấy phép kinh doanh đang là một hiện t-ợng khá phổ biến.

của cấp trên và của các sở ban ngành khác, đặc biệt là cơ quan công an, thanh tra thuế. Mỗi khi doanh nghiệp gặp vấn đề, thay vì việc tìm hiểu để giúp đỡ doanh nghiệp vượt qua, các cơ quan này lại quay ra đổ lỗi cho cơ quan đăng ký kinh doanh là đã tiếp tay cho doanh nghiệp đó thông qua việc đã cấp đăng ký kinh doanh dù cơ quan ĐKKD đã làm đúng pháp luật. Vì vậy, nhiều cán bộ đăng ký kinh doanh chần chừ hoặc đặt ra yêu cầu thêm cho doanh nghiệp khi cấp đăng ký kinh doanh với mục tiêu tạo ra “chỗ dựa” cho họ khi cần thiết.²⁴

- *Sự không phù hợp của ngay chính một số quy định pháp luật về ĐKKD.* Việc đăng ký kinh doanh một số ngành nghề đòi hỏi phải có chứng chỉ hành nghề cũng gặp những khó khăn nhất định. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì chứng chỉ hành nghề chỉ cấp cho cá nhân hoạt động kinh doanh trong 6 lĩnh vực.²⁵ Tuy nhiên, sau 5 năm thực hiện Luật Doanh nghiệp, hiện nay xuất hiện thêm những lĩnh vực kinh doanh mới đòi hỏi có chứng chỉ hành nghề, ví dụ nh- *chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình, chứng chỉ hành nghề kỹ s-....*²⁶ Hơn nữa, nhiều quy định hiện hành về chứng chỉ hành nghề vẫn là ch-a phù hợp.²⁷

Theo Điều 29(2) Nghị định 109/2004/NĐ-CP thì cơ quan ĐKKD cấp ĐKKD cho người không đủ điều kiện sẽ bị xử lý kỷ luật.²⁸ Trong khi ch-a có một công cụ nào để giúp cơ quan ĐKKD tránh được vi phạm này. Điều này dẫn đến cán bộ ĐKKD một số nơi đã yêu cầu thêm xác nhận lý lịch t- pháp khi ĐKKD. Trên thực tế, thì việc xin xác nhận lý lịch t- pháp hoàn toàn không đơn giản. Việc ch-a có cơ sở dữ liệu thống nhất trên toàn quốc về lý lịch t- pháp đã dẫn đến tình trạng không rõ cơ quan nào chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này.

Quy định ch-a rõ ràng về đặt tên doanh nghiệp cũng là một nguyên nhân làm kéo dài quá trình ĐKKD. Điều này dẫn đến những khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chọn tên, đồng thời tạo tiện lợi lớn cho cơ quan ĐKKD trong việc quyết định chấp nhận tên doanh nghiệp. Ch-a rõ về nội dung các khái niệm nh- “truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục dân tộc”; ch-a xác định được mối quan hệ giữa tên tiếng Anh và tên tiếng Việt...²⁹ Sự yếu kém của bộ máy chính quyền, ví dụ nh- sự thiếu vắng một cơ sở dữ liệu t- pháp về tên doanh nghiệp trong cả nước để làm cơ sở cho doanh nghiệp chọn tên không trùng, gây lằng lằng, làm hạn chế hiệu lực của quy định.³⁰

II. Khắc dấu

1. Thủ tục và hồ sơ xin khắc dấu

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải đến cơ quan công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung -ng để xin giấy phép khắc dấu. Hồ sơ xin giấy phép khắc dấu,

24. Nhiều người gọi cơ quan đăng ký kinh doanh là “Đầu khổ Kéo dài”. Chức năng nhiệm vụ thì to lớn, nh-ng lại không được tổ chức và trang bị nguồn nhân lực t-ng xứng.

25. Điều 6(2) Nghị định 03/2000/NĐ-CP, 6 lĩnh vực bao gồm: (i) kinh doanh dịch vụ pháp lý; (ii) kinh doanh dịch vụ khám, chữa bệnh và kinh doanh d-ợc phẩm; (iii) kinh doanh dịch vụ thú y và kinh doanh thuốc thú y; (iv) kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình; (v) kinh doanh dịch vụ kiểm toán; và (vi) kinh doanh dịch vụ môi giới chứng khoán.

26. Điều 48&52 Nghị định 16/2005/NĐ-CP; Quyết định 12/2005/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 18/4/2005 ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình.

27. Xem thêm Phần Giấy phép.

28. Điều này quy định là cán bộ đăng ký kinh doanh cấp ĐKKD cho đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

29. Nguyễn Đình Cung (2004). Thời Điểm cho Sự Thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và Khuyến nghị. CIEM, GTZ, UNDP.

30. Ví dụ, ở Việt Nam, t-ớc đây có một công ty TNHH đặt tên là An Nam. Tuy nhiên, tên này đã bị một số cựu chiến binh phản đối và cho rằng tên An Nam là không thể chấp nhận được vì tên này gắn với một thời kỳ bi th-ong của dân tộc. Cuối cùng, doanh nghiệp phải đổi tên khác. Trong khi đó, ở Mỹ có một công dân thành lập câu lạc bộ mang tên Tổng thống Mỹ, George Bush (George Bush Social Club), và câu lạc bộ này đã thu hút rất nhiều người đến để th-ợng thức bia và các món nhậu tại đây. Cái tên ấy gây ấn t-ợng này chính là nickname của ông chủ quán George Charles mà bạn bè đặt cho vì ông từng ra sức ủng hộ cho cuộc chiến vùng vịnh năm 1991. Thắng lớn ở Câu lạc bộ Bush, ông Charles đang dự định tiến sang lĩnh vực khác, ông đổi tên công ty mình thành công ty TNHH đầu t- George Bush và sắp tới có thể có trang trại hay cả mỏ than mang tên George Bush”. Báo Thể thao Ngày nay, thứ Năm ngày 13 tháng 1 năm 2005, trang 16.

ngoài giấy giới thiệu của cơ quan đăng ký kinh doanh, còn gồm các giấy tờ sau: (1) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (đối với chi nhánh, văn phòng đại diện)³¹, (2) Khi làm thủ tục xin giấy phép khắc dấu cơ quan, tổ chức phải xuất trình bản chính và nộp bản sao hợp lệ, và (3) Ng-ời đi làm thủ tục khắc dấu phải có giấy ủy quyền và chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

Trong thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận đ-ợc hồ sơ của cơ quan, tổ chức, cơ quan công an cấp giấy phép khắc dấu và giới thiệu đến cơ sở khắc dấu. Sau đó, doanh nghiệp sẽ mang giấy phép khắc dấu đến cơ sở khắc dấu để làm dấu.

Sau khi khắc đ-ợc con dấu, doanh nghiệp lại phải đăng ký con dấu tại cơ quan công an và phải thông báo mẫu dấu với các cơ quan có liên quan tr-ớc khi sử dụng. Khi đăng ký mẫu dấu, doanh nghiệp đ-ợc cấp “giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu”. Kể từ thời điểm này doanh nghiệp mới có thể dùng con dấu của mình. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu là 20.000 đồng/giấy chứng nhận/con dấu.³²

Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải khắc lại dấu nếu có những thay đổi nhất định trong quá trình hoạt động, ví dụ nh- chuyển trụ sở chính sang tỉnh khác. Bởi vì con dấu chứa đựng thông tin chi tiết về địa điểm trụ sở chính nên khi có thay đổi về trụ sở chính, doanh nghiệp phải khắc lại dấu. Việc khắc lại dấu cũng tuân theo đúng quy trình nh- nêu trên.

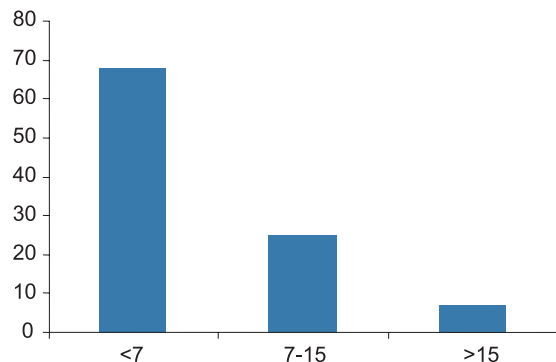
2. Thực tế

Trên thực tế cho thấy việc khắc dấu không đơn giản và khó có thể làm trong vài ngày. Kết quả khảo sát cho thấy 25% doanh nghiệp phải mất hơn 7 ngày để có đ-ợc con dấu; 7% phải thực hiện thủ tục này mất hơn 15 ngày (xem hình 4).

Có tr-ờng hợp cá biệt, để có đ-ợc con dấu doanh nghiệp phải mất tới 20 ngày, kể cả ngày nghỉ và ngày lễ.³³ Trong tr-ờng hợp này, chủ doanh nghiệp phải đích thân lên cơ quan công an để nộp hồ sơ khắc dấu. 7 hoặc 8 ngày sau, theo đúng hẹn, đích thân chủ doanh nghiệp lại phải lên “nhận quyết định” cho phép khắc dấu của cơ quan công an. Doanh nghiệp mang quyết định cho phép khắc dấu này về đi khắc, hơn một tuần sau lại đích thân chủ doanh nghiệp lên PC 13 để đăng ký con dấu. Sau đó, doanh nghiệp mới chính thức hoạt động.

Chi phí thực tế chính thức cho việc khắc dấu, bao gồm chi phí xin giấy phép khắc dấu và chi phí khắc dấu, -ớc tính khoảng từ 220.000 đến 300.000 đồng, bằng khoảng “ thu nhập bình quân đầu ng-ời hàng tháng. Tuy nhiên, khảo sát cho một kết quả đáng ngạc nhiên là đa số (97%) doanh nghiệp đã phải trả thêm chi phí cho việc khắc dấu. Điều đáng tiếc là không thể tính đ-ợc cụ thể chi phí phải trả thêm này, nh-ng -ớc tính phải tốn ít nhất bằng chi phí chính thức.

Hình 4: Thời gian làm con dấu (ngày)



31. Đối với tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm phải có quyết định thành lập và hoạt động hoặc giấy phép điều chỉnh (đối với chi nhánh, văn phòng đại diện) hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam (đối với doanh nghiệp bảo hiểm n-ớc ngoài tại Việt Nam) do Bộ Tài chính cấp. Đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp nhà n-ớc, doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật đầu t- n-ớc ngoài tại Việt Nam, ngoài các giấy tờ trên, phải có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép đặt trụ sở và hoạt động tại địa ph-ơng đó (Phần II(A)(4)(4.3)&(4.5) Thông t-07/2002/TTLT)

32. Về các quy định đ-ợc phân tích tại phần này, tham khảo các văn bản nh- Nghị định 58/2001/NĐ-CP, Thông t-07/2002/TTLT, Thông t- 78/2002/TT-BTC.

33. “Khắc dấu cho Doanh nghiệp: Thủ tục Phiền hà”, www.dddn.com.vn

Qua tìm hiểu, thủ tục khắc dấu th-ờng bị kéo dài và tốn kém hơn bởi một số nguyên nhân sau:

- Một là, bản thân quy định về thủ tục khắc dấu còn phức tạp. Để hoàn tất việc khắc dấu và sử dụng dấu, doanh nghiệp phải thực hiện ít nhất là 3 công đoạn: (i) xin giấy phép khắc dấu, (ii) làm dấu, và (iii) đăng ký mẫu dấu.³⁴ Hơn nữa, quy định thời hạn cấp giấy phép khắc dấu lên đến 7 ngày là ch-a phù hợp và quá dài. Khó có thể lý giải đ-ợc tại sao doanh nghiệp phải đợi đến tối đa là 7 ngày để đ-ợc cấp giấy phép khắc dấu.

Quy định về “giấy ủy quyền” trong hồ sơ xin khắc dấu là ch-a rõ ràng. Quy định này ch-a rõ khi nào và trong hoàn cảnh nào thì phải có giấy ủy quyền. Nếu ng-ời đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc ng-ời quản lý doanh nghiệp nh- giám đốc, chủ tịch HĐQT đi khắc dấu thì có phải xin ủy quyền nữa không? Nếu cần, thì ai sẽ là ng-ời ủy quyền. Điều này d-ờng nh- tạo d- địa cho cơ quan cấp giấy phép khắc dấu gây phiền hà cho doanh nghiệp.

- Hai là, việc khắc dấu th-ờng bị kéo dài bởi thực tế số địa ph-ơng ch-a có doanh nghiệp kinh doanh khắc dấu. Trong tr-ờng hợp này, việc khắc dấu th-ờng cơ quan công an đảm nhiệm và họ th-ờng đợi đến khi có một số doanh nghiệp cần khắc dấu thì mới mang khi khắc cùng một lúc. Nếu doanh nghiệp muốn nhanh thì phải thêm chi phí cho việc đi lại của cơ quan công an. Ngay cả khi doanh nghiệp tự đi khắc dấu, thì họ cũng mất thời gian và chi phí nhiều hơn cho việc khắc dấu ở tỉnh khác.³⁵

Tóm lại, có thể nói nguyên nhân sâu xa của thủ tục khắc dấu phức tạp là ch-a có cách hiểu đúng về bản chất cũng nh- chức năng của con dấu. Con dấu chỉ nên quan niệm là một dấu hiệu đặc tr-ng của doanh nghiệp thể hiện trên các giấy tờ giao dịch. Do đó, mẫu dấu có thể đ-ợc thiết kế theo sáng tạo của doanh nghiệp nh-ng phải đ-ợc đăng ký tr-ớc khi sử dụng. Việc đăng ký nhằm đảm bảo cho doanh nghiệp đ-ợc sử dụng dấu của mình một cách hợp pháp, đồng thời để giúp cho bên thứ ba có đ-ợc thông tin chính thức về dấu của doanh nghiệp. Cơ quan công an có nghĩa vụ bảo hộ con dấu mà doanh nghiệp đã đăng ký tránh tr-ờng hợp làm giả con dấu. Việc quản lý con dấu nh- hiện nay vừa không hiệu quả và không đạt đ-ợc mục tiêu đặt ra trong quản lý doanh nghiệp, nh-ng cách quản lý đó tạo thêm chi phí không cần thiết về thời gian, tiền bạc cho doanh nghiệp.

Thực tế, đã có tr-ờng hợp do quan niệm không đúng về con dấu đã làm cho nhà đầu t- n-ớc ngoài từ bỏ cơ hội đầu t- ở Việt Nam. Lý do là nhà đầu t- đó sử dụng “con dấu” hình vuông, nhỏ và màu mực xanh đóng trên các hồ sơ (mẫu dấu phổ biến ở n-ớc đó). Tuy nhiên, cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã không tiếp nhận hồ sơ, đồng thời yêu cầu nhà đầu t- này phải chuẩn bị lại bộ hồ sơ và đòi hỏi phải “đóng dấu” (theo cách hiểu ở Việt Nam là dấu phải màu đỏ và hình tròn). Sau đó, nhà đầu t- này đã không quay lại Việt Nam nữa.³⁶

III. Đăng ký Mã số thuế

1. Thủ tục Đăng ký Mã số thuế (MST)

Mã số thuế đ-ợc cấp cho các công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, chủ doanh nghiệp t- nhân, chủ hộ kinh doanh và chi nhánh, văn phòng đại diện. Đối với doanh nghiệp thì nơi xin cấp mã số thuế là cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung -ơng. Đối với chủ doanh nghiệp t- nhân và chủ hộ kinh doanh do chi cục thuế quận, huyện, thị xã cấp. Hồ sơ xin cấp mã số thuế bao gồm:³⁷

- **Đối với tổ chức kinh doanh:** (1) Đề nghị cấp mã số thuế; (2) Tờ khai đăng ký thuế và các bảng kê kèm theo đăng ký thuế (nếu có); (3) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng); và (4) Quyết định thành lập (bản sao) nếu có.

34. Thủ tục khắc dấu chỉ có thể bắt đầu sau khi hoàn thành thủ tục ĐKKD.

35. Hiện tại ở Hà Nam ch-a có doanh nghiệp nào kinh doanh ngành nghề khắc dấu, do đó, muốn khắc dấu phải sang Nam Định và do cơ quan công an đem đi khắc. Ở Quảng Nam muốn khắc dấu cũng phải về Đà Nẵng.

36. Ghi chép trong quá trình làm việc tại Hà Tây.

37. Về các quy định và thủ tục liên quan tới đăng ký mã số thuế, tham khảo Thông t- 80/2004/TT-BTC.

- **Đối với cá nhân, hộ kinh doanh:** (1) Đề nghị cấp mã số thuế; (2) Tờ khai đăng ký thuế và bản kê cửa hàng, cửa hiệu khác địa bàn quận, huyện, thị xã hoặc khác tỉnh với cơ sở chính (nếu có); (3) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng).

Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế chậm nhất không quá 8 ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký thuế nộp trực tiếp tại các cục thuế và 12 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại các chi cục thuế, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ để nghị cấp mã số thuế (không tính thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ do đối tượng nộp thuế kê khai sai sót).³⁸ Mã số thuế được cấp dưới hình thức “Giấy chứng nhận đăng ký thuế”.

Nếu doanh nghiệp muốn thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu thì phải xin mã số xuất nhập khẩu. Mã số xuất nhập khẩu có thể được cấp đồng thời với mã số thuế khi doanh nghiệp làm thủ tục xin cấp mã số thuế.³⁹ Nếu doanh nghiệp phát sinh hoạt động xuất nhập khẩu sau khi đã được cấp mã số thuế, thì doanh nghiệp phải làm thủ tục xin cấp mã số thuế xuất nhập khẩu riêng, theo thủ tục quy định tại phần III(1) Thông t- 80/2004/TT-BTC. Cụ thể doanh nghiệp phải chuẩn bị bộ hồ sơ để nộp cho cơ quan thuế, gồm có: (1) Đề nghị cấp mã số thuế; (2) Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế; (3) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đã bổ sung hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu).⁴⁰

Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế có trách nhiệm xem xét và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế (trong giấy này có ghi “chứng nhận đăng ký mã số xuất nhập khẩu”). Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký thuế mới, doanh nghiệp phải nộp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế cũ.

Ngoài ra, doanh nghiệp phải xin cấp lại “giấy chứng nhận đăng ký thuế” trong những trường hợp sau đây: (1) Đổi tên cơ sở kinh doanh; (2) Chuyển địa điểm kinh doanh giữa các tỉnh; và (3) Tổ chức lại doanh nghiệp: chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, hợp nhất, sáp nhập, bán doanh nghiệp.

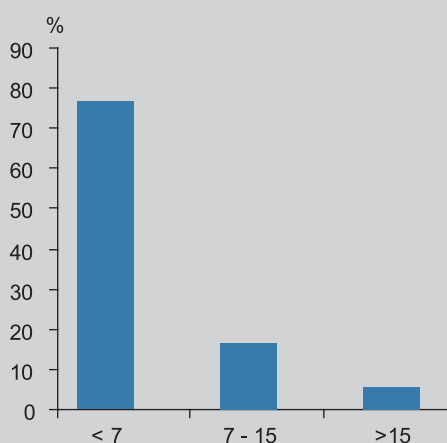
Đối với trường hợp đổi tên cơ sở kinh doanh, chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp bị tách, thì doanh nghiệp phải làm thủ tục kê khai bổ sung với cơ quan thuế và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế, nh-ng mã số thuế cũ không thay đổi.

2. Thực tế

So với quy định trước đây (Thông t- 68/2003/TT-BTC ngày 17/7/2003), thì thời hạn cấp mã số thuế đã được rút ngắn đáng kể là 8 ngày đối với hồ sơ nộp tại cục thuế và 12 ngày đối với hồ sơ nộp tại chi cục thuế so với trước đây là 15 ngày.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng khoảng 70% nhận được mã số thuế trong thời hạn 7 ngày, 17% doanh nghiệp nhận được mã số thuế trong thời hạn 15 ngày, và vẫn còn có 6% nhận được mã số thuế sau 15 ngày. Tính trung bình doanh nghiệp phải mất 7 ngày để được cấp mã số thuế (xem hình 6). Mặc dù, hiện không có

Hình 6: Thời gian xin MST (%)



38. Ngoài ra, Doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục đăng ký thuế trong thời gian làm thủ tục khắc dấu. Nh-ng khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký thuế, doanh nghiệp phải nộp bổ sung mẫu dấu của doanh nghiệp kèm theo chữ ký của người ký trong các hồ sơ đăng ký thuế đã nộp cho cơ quan Thuế.

39. Mã số thuế có khác với mã số thuế xuất nhập khẩu.

40. Nh- vậy để có thể được cấp mã số xuất nhập khẩu, doanh nghiệp trước tiên lại phải làm thủ tục bổ sung đăng ký kinh doanh với ngành nghề kinh doanh xuất nhập khẩu. Chỉ sau khi hoàn tất thủ tục này, doanh nghiệp mới có thể tiến hành được thủ tục xin cấp mã số xuất nhập khẩu.

quy định về lệ phí xin cấp mã số thuế, nh-ng kết quả điều tra cho thấy 15% số doanh nghiệp phải tốn hơn 100.000 đồng chi phí để có đ-ợc mã số thuế.⁴¹

Thực tế cho thấy rằng sự chậm trễ trong việc xin cấp mã số thuế có thể đ-ợc lý giải bằng các lý do sau:

- Thời hạn đ-ợc tính để cấp mã số thuế là từ ngày cơ quan thuế nhận đ-ợc đầy đủ hồ sơ. Nh-vậy, thực tế thời hạn này có thể kéo dài hơn so với quy định, phụ thuộc vào cơ quan thuế tính ngày nào là ngày nhận đủ hồ sơ. Theo ý kiến chúng tôi, thì ngay cả thời hạn 7 ngày cho việc cấp mã số thuế nh- quy định cũng là quá dài và không hợp lý. Việc cấp mã số thuế là nhằm phục vụ mục đích thu thuế. Vì thế, sẽ hợp lý hơn nếu nh- mọi doanh nghiệp mới thành lập đ-ợc cấp mã số thuế một cách nhanh chóng, thuận tiện và tự động.
- Nhiều cơ quan thuế không chấp nhận tr-ờng hợp 1 cá nhân đến đăng ký mã số thuế cho nhiều công ty, thậm chí cá nhân đó là ng-ời đại diện theo pháp luật của công ty. Các cơ quan thuế này cho rằng một cá nhân chỉ đ-ợc đăng ký 1 mã số thuế.⁴² Điều này không chỉ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đăng ký mã số thuế mà còn trái với quy định của pháp luật. Mã số thuế là cấp cho công ty chứ không phải là cá nhân.⁴³ Bất kỳ ai, kể cả ng-ời đại diện theo pháp luật của công ty, có thể đại diện cho công ty đi làm thủ tục đăng ký mã số thuế. Hơn thế nữa, luật pháp không cấm 1 cá nhân làm đại diện theo pháp luật cho nhiều công ty.
- Nội dung hồ sơ quy định nhiều chi tiết trùng lặp đã gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp khi kê khai. Ví dụ, yêu cầu kê khai danh sách thành viên góp vốn mặc dù danh sách này đã có trong *giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh* (bao gồm trong hồ sơ xin mã số thuế).⁴⁴ Mặc dù thông tin là trùng lặp, không cần thiết nh-ng có thể lại là nguyên nhân làm kéo dài thời hạn cấp mã số thuế bởi những sai sót có thể xảy ra trong kê khai.

Thực tế cho thấy còn có sự bất cập bởi việc phân biệt giữa mã số thuế và mã số xuất nhập khẩu. Mã số xuất nhập khẩu không mặc nhiên đ-ợc cấp cùng với mã số thuế. Nếu doanh nghiệp sau khi đ-ợc cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế, mới phát sinh hoạt động kinh doanh XNK thì doanh nghiệp phải làm thủ tục xin cấp mã số XNK với cơ quan thuế. Trong tr-ờng hợp này, tr-ớc hết doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký bổ sung ĐKKD với ngành nghề là xuất nhập khẩu. Chỉ sau khi hoàn tất thủ tục bổ sung ĐKKD thì doanh nghiệp mới có thể bắt đầu thủ tục xin mã số XNK.

Theo quy định thì mã số XNK sẽ cấp trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Thực tế khảo sát thấy rằng 55% doanh nghiệp đ-ợc cấp mã số XNK trong thời hạn 7-15 ngày; 9% nhận đ-ợc sau 15 ngày (xem hình 7).

IV. Mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng

Để tiến hành các giao dịch thanh toán, doanh nghiệp phải mở tài khoản tiền gửi (tiền gửi thanh toán) tại ngân hàng d-ới hình thức tài khoản tiền gửi của tổ chức.⁴⁵ Hồ sơ xin mở tài khoản bao gồm⁴⁶: (1) *Giấy đề nghị mở tài khoản*; (2) *Giấy tờ chứng minh tổ chức đ-ợc thành lập theo quy định của pháp luật*; và (3) *Các giấy tờ chứng minh t- cách đại diện hợp pháp của chủ tài khoản*.

Khi tiếp nhận hồ sơ mở tài khoản, ngân hàng có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ, thông tin đã kê khai trong hồ sơ và giải quyết việc mở tài khoản ngay trong ngày làm việc.

Về cơ bản, việc mở tài khoản của doanh nghiệp không có v-ớng mắc.

41. Tuy nhiên, cần l-u ý ở đây là 93% doanh nghiệp đ-ợc khảo sát không trả lời câu hỏi này.

42. Ở Đắc Lắc.

43. Phần 1(4.1)(4.2) thông t- 80/2004/TT-BTC.

44. “Đề nghị Rút ngắn Thời gian Cấp phép Thành lập Doanh nghiệp mới”, www.vnexpress.net, ngày 20/2/2004.

45. Việc mở tài khoản tiền gửi đ-ợc thực hiện theo Quyết định 1284/2002/QĐ-NHNN2 ngày 21/11/2002 của thống đốc Ngân hàng nhà n-ớc Việt Nam.

V. Mua hóa đơn

1. Thủ tục mua hóa đơn

Sau khi có mã số thuế, doanh nghiệp được quyền lựa chọn giữa mua hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành hoặc tự in hoá đơn cho mình.

Đối với doanh nghiệp mua hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành sẽ làm thủ tục mua hoá đơn tại cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Doanh nghiệp mua hoá đơn lần đầu phải chuẩn bị một bộ hồ sơ, bao gồm⁴⁷ :

- **Đối với tổ chức kinh doanh:** (1) Đơn xin mua hoá đơn; (2) Giấy giới thiệu của tổ chức kinh doanh do người đại diện có thẩm quyền ký giới thiệu người đến cơ quan thuế liên hệ mua hoá đơn. Trên giấy giới thiệu phải ghi rõ họ tên, chức vụ, số chứng minh th- nhân dân của người được giới thiệu đến liên hệ mua hoá đơn; và (3) Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bản photocopy có xác nhận sao y bản chính của tổ chức kinh doanh). Khi đến mua hoá đơn, người đứng tên trên giấy giới thiệu phải xuất trình chứng minh th- nhân dân với cơ quan thuế.
- **Đối với hộ kinh doanh:** (1) Đơn xin mua hoá đơn; (2) Giấy Chứng nhận đăng ký thuế bản photocopy. Khi đến cơ quan thuế nộp hồ sơ xin mua hoá đơn phải mang theo bản chính Giấy Chứng nhận đăng ký thuế để cơ quan thuế kiểm tra đối chiếu tính xác thực của bản photocopy. Nếu là bản photocopy có công chứng thì không phải mang theo bản chính. Tr-ờng hợp chủ hộ kinh doanh uỷ quyền cho người khác thì phải viết giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm tr-ớc pháp luật về sự uỷ quyền. Giấy uỷ quyền phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số chứng minh th- nhân dân của người được uỷ quyền. Khi đến liên hệ với cơ quan thuế, chủ hộ kinh doanh hoặc người được uỷ quyền phải xuất trình kèm theo chứng minh th- nhân dân. Số l-ợng hóa đơn mua lần đầu không quá 2 quyển.

Hồ sơ mua hóa đơn các lần tiếp theo gồm:

- **Đối với tổ chức kinh doanh:** Giấy giới thiệu của tổ chức kinh doanh do người đại diện có thẩm quyền ký, trên giấy giới thiệu phải ghi rõ họ tên, chức vụ, số chứng minh th- nhân dân của người được tổ chức kinh doanh cử đi mua hoá đơn, số l-ợng hoá đơn xin mua.
- **Đối với hộ kinh doanh:** đơn xin mua hoá đơn, trong đơn phải ghi rõ họ tên chủ hộ kinh doanh, số chứng minh th- nhân dân, địa chỉ kinh doanh, số l-ợng hoá đơn xin mua. Nếu chủ hộ kinh doanh uỷ quyền cho người khác phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật. Giấy uỷ quyền phải ghi rõ họ tên, số chứng minh th- nhân dân của người được uỷ quyền. Số mua hoá đơn đã được cơ quan thuế cấp.

Người được tổ chức kinh doanh giới thiệu đến mua hoá đơn, chủ hộ kinh doanh hoặc người được chủ hộ kinh doanh uỷ quyền, đến mua hoá đơn phải xuất trình cho cơ quan thuế chứng minh th- nhân dân bản chính.

Số l-ợng hoá đơn bán tối đa không quá số l-ợng hoá đơn đã sử dụng của tháng liền kề tr-ớc đó.

Sau khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ mua hóa đơn, cán bộ thuế viết phiếu hẹn không quá 5 ngày để giải quyết bán hóa đơn. Trong thời gian này cán bộ thuế tự mình xuống địa điểm doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để xác định thực tế doanh nghiệp đó có kinh doanh tại địa điểm đó không. Kết quả kiểm tra thực tế phải lập thành văn bản theo mẫu, có chữ ký xác nhận của cán bộ thuế và người chứng kiến. Người chứng kiến có thể là chủ nhà hoặc đại diện tổ dân phố hoặc công an khu vực. Sau khi kiểm tra, nếu đủ điều kiện thì cơ quan thuế phải làm thủ tục cấp sổ mua hóa đơn, đồng thời bán hóa đơn.

47 Về các quy định áp dụng đối với việc mua hóa đơn, tham khảo Thông t- 99/2003/TT-BTC

Bảng 1 - Chi phí mua hóa đơn đ-ợc tính nh- sau:⁴⁸

STT	Loại hoá đơn	Giá bán (đồng/quyển)	Ghi chú
1	Hoá đơn GTGT, mẫu 01-GTKT-3LL	14.700	xê-ri từ: DN/01-B và từ HG/01-N trở đi
2	Hoá đơn GTGT, mẫu 01-GTKT-2LN	8.000	xê-ri từ: AA/01-B và từ BA/01-N trở đi
3	Hoá đơn bán hàng, mẫu 02-GTTT-3LL	14.700	xê-ri từ: BN/01-B và từ EN/01-N trở đi
4	Hoá đơn bán hàng, mẫu 02-GTTT-2LN	8.000	xê-ri từ: AA/01-B và từ AN/01-N trở đi

2. Hóa đơn Tự in

Doanh nghiệp muốn sử dụng hóa đơn tự in phải làm thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn tự in.⁴⁹

Nơi đăng ký hóa đơn tự in là Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung -ơng. Để đ-ợc phép sử dụng hóa đơn tự in, doanh nghiệp phải cung cấp một bộ hồ sơ, trong đó bao gồm: (1) Công văn đăng ký sử dụng hoá đơn tự in (đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh) hoặc đơn đăng ký sử dụng hoá đơn tự in (đối với hộ sản xuất, kinh doanh); (2) Mẫu hoá đơn do tổ chức, cá nhân tự thiết kế, mẫu hoá đơn phải có một số nội dung bắt buộc; (3) Sơ đồ địa điểm sản xuất, kinh doanh, văn phòng giao dịch do tổ chức, cá nhân tự vẽ có xác nhận và cam kết của ng-ời đứng đầu tổ chức, cá nhân về: địa chỉ, số nhà, đ-ờng phố (đối với thành phố, thị xã), địa điểm thôn, xã... (đối với nông thôn) để theo dõi giao dịch, quản lý. Khi thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh, văn phòng giao dịch, trong vòng 10 ngày, tổ chức, cá nhân phải lập lại sơ đồ mới. Nếu tổ chức, cá nhân thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh, văn phòng giao dịch thì phải xuất trình hợp đồng thuê nhà, có xác nhận của UBND ph-ờng, xã, thị trấn (để đối chiếu) và bản photocopy để cơ quan thuế l-u, (4) Các bản sao không phải công chứng của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Chứng minh nhân dân của ng-ời đứng đầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, và (5) Giấy chứng nhận đăng ký thuế bản chính kèm theo bản photocopy.

Cơ quan thuế sẽ xem xét và chấp thuận đăng ký mẫu hóa đơn tự in trong thời hạn 5 ngày. Sau khi đ-ợc cấp chấp thuận đăng ký mẫu hóa đơn tự in, cá nhân, tổ chức kinh doanh sẽ phải in hóa đơn tại các nhà in theo danh sách đã đăng ký với tổng cục thuế. Khi in phải có hợp đồng in hoá đơn với tổ chức nhận in, ghi cụ thể số l-ợng, ký hiệu, số thứ tự hoá đơn đặt in, sau mỗi lần in hoặc kết thúc hợp đồng in phải thực hiện thanh lý hợp đồng giữa bên đặt in và bên nhận in.

Sau khi in hóa đơn, cá nhân tổ chức lại phải đăng ký l-u hành hóa đơn với cơ quan thuế, bao gồm ký hiệu, số l-ợng, số hóa đơn. Cơ quan thuế căn cứ vào nhu cầu sử dụng hoá đơn và việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng hoá đơn của tổ chức, cá nhân sẽ quyết định số l-ợng hoá đơn tự in đ-ợc sử dụng theo từng kỳ từ 1 tháng đến 3 tháng. Tr-ớc khi in hoá đơn đợt mới, doanh nghiệp phải báo cáo việc sử dụng hoá đơn in đợt cũ và đăng ký in mới với cơ quan thuế về ký hiệu, số l-ợng, số thứ tự hoá đơn.

Thông báo phát hành hóa đơn. Doanh nghiệp, sau 5 ngày đăng ký l-u hành mẫu hoá đơn tự in phải thông báo phát hành bằng văn bản (kèm theo mẫu hoá đơn) gửi cơ quan thuế quản lý và phải dán thông báo phát hành tại trụ sở, nơi bán hàng, nơi giao dịch.

Cuối cùng, khi có thay đổi mẫu hóa đơn phải làm lại các thủ tục này từ đầu.

48 Công văn 2599/TCT-AC

49 Thông t- 120/2002/TT-BTC quy định các vấn đề liên quan tới hóa đơn tự in.

3. Thực tế của Quá trình Mua hóa đơn và Xin Sử dụng Hóa đơn Tụ in

Theo quy định của TT 120/2002/TT-BTC thì quá khó để doanh nghiệp đi mua hóa đơn.⁵⁰ Có tr-ờng hợp, doanh nghiệp phải cử ng-ời đi lại đến hàng chục lần tới sở thuế; nhiều khi tới sở thuế, nhân viên sở thuế lại đòi phải đích thân giám đốc DN tới. Không những vậy, cơ quan thuế còn đòi hỏi phải trình cả hợp đồng thuê địa điểm, cả chứng minh nhân dân của ng-ời chủ cho thuê địa điểm... Một điều rất bất hợp lý nữa là các loại giấy tờ nh- đăng ký kinh doanh, hộ khẩu, chứng minh th-... khi đem tới sở thuế đều phải kèm theo bản chính mặc dù đó là những bản đã đ-ợc công chứng.

Tr-ớc bức xúc của doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã ban hành Thông t- 99/2003/TT-BTC để sửa đổi bổ sung Thông t- 120/2002/TT-BTC. Tuy nhiên, theo nhận xét của nhiều doanh nghiệp, thủ tục mua hoá đơn quy định tại TT 99/2003/TT-BTC chỉ đ-ợc giảm bớt đ-ợc những giấy tờ không cần thiết, nh- bản sao mã số thuế, đơn vị phụ thuộc, hợp đồng gửi bán hàng đại lý, sơ đồ địa điểm kinh doanh...⁵¹ Những doanh nghiệp này cho rằng Thông t- 99/2003/TT-BTC chỉ là biện pháp tình thế, chữa cháy nửa vời, ch-a hoàn hảo.⁵² Theo ý kiến của ngành thuế, lý do phải quy định chặt thủ tục mua hóa đơn là để ngăn chặn những hành vi vi phạm trong việc mua và sử dụng hoá đơn liên quan đến trốn thuế, gian lận th-ơng mại và tội phạm về buôn lậu... Tuy vậy, ý kiến một số chuyên gia cho rằng thực tế các vụ án gian lận hoàn thuế giá trị gia tăng đều có sự tiếp tay của cán bộ hải quan và cán bộ thuế, doanh nghiệp không thể tự mình hoàn thuế.

Kết quả khảo sát cho thấy gần 46% doanh nghiệp phải mất hơn 3 ngày để đ-ợc mua hóa đơn (xem hình 8). 76% doanh nghiệp cho rằng phải tốn kém những chi phí khác để có thể mua đ-ợc hóa đơn và/hoặc mua một cách nhanh chóng thuận lợi. Chỉ tính chi phí chính thức để mua hóa đơn, thì đối với doanh nghiệp dùng nhiều (hàng nghìn tờ/tháng) thì chi phí này cũng là không nhỏ.

Theo quy định, để mua hóa đơn cần chuẩn bị một bộ hồ sơ gồm 3 loại giấy tờ và không cần phải công chứng. Tuy vậy, đã từng có nơi, để mua hóa đơn cần phải có đến 17 loại giấy tờ và hơn nữa một số giấy tờ còn phải công chứng (xem hộp 1).

Hình 8: Thời gian mua hoá đơn (%)



Hộp 1

Tôi đi mua hóa đơn

Trình bộ hồ sơ của công ty TNHH V. có trụ sở tại quận Bình Tân, tôi đ-ợc cán bộ thuế N. thuộc chi cục thuế quận Bình Tân h-ớng dẫn: "*Anh phải lập đủ các loại giấy tờ nh- trong bảng danh mục này mới đ-ợc*". Bảng danh mục mà bà N. đ-a ra là một tờ giấy photocopy không ngày tháng và tên cơ quan phát hành, gồm 17 loại giấy tờ khác nhau.

Không những đòi hỏi doanh nghiệp phải nộp đến hàng chục loại giấy tờ ngoài quy định, bà N còn buộc doanh nghiệp công chứng các bản sao giấy tờ... Thắc mắc về việc tại sao phải công chứng tất cả các giấy tờ bản sao, thì đ-ợc chi cục tr-ởng chi cục thuế ở đó khẳng định: Phải công chứng. Theo Bà chi cục tr-ởng, chỉ có cơ quan phát hành ra tờ giấy đó mới có quyền sao y bản chính nên tổ chức kinh doanh không đ-ợc sao y bản chính giấy chứng nhận đăng ký thuế. Sau khi chứng minh yêu cầu của bà chi cục tr-ởng là không đúng pháp luật, thì bà khẳng định luật pháp quy định nh- vậy... là quá thoág, không thể không thi hành theo!

Nguồn: Tôi đi Mua Hóa đơn. www.vietnamnet.vn, ngày 16/9/2004

50 Báo Diễn đàn Doanh nghiệp: "Ý kiến Doanh nghiệp về Hóa đơn Kinh doanh", xem <http://www.dddn.com.vn>

51 Ngọc Quang (2004).

52 Văn Tiến (2004).

Nh- vậy, trên thực tế, thủ tục mua hóa đơn không đơn giản, mà ng-ợc lại rất phức tạp và khó khăn. Nguyên nhân không chỉ là cách hành xử không đúng của cơ quan, ng-ời thực thi (nh- ví dụ nêu trong hộp trên), mà ngay cả bản thân các quy định về mua hóa đơn còn có sự bất hợp lý. Cụ thể:

- Việc tạo ra một thủ tục riêng biệt, tách rời việc mua hóa đơn với việc cấp mã số thuế là bất hợp lý. Thứ nhất, cơ quan thuế hoàn toàn có thể cấp số mua hóa đơn cùng lúc với việc cấp mã số thuế. Việc thêm một lần nữa, sau khi có mã số thuế, phải “xin phép” đ-ợc mua hóa đơn thể hiện đậm nét cơ chế xin-cho, gây rất phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp bởi chừng nào ch-a có hóa đơn, doanh nghiệp ch-a thể hoạt động.
- Thời hạn 5 ngày để cơ quan thuế xem xét và quyết định cho phép doanh nghiệp mua hóa đơn là quá dài và không phù hợp với thực tế. Xét về bản chất công việc, thì việc này có thể làm đ-ợc ngay sau khi doanh nghiệp nộp hồ sơ hoặc trong ngày. Hơn thế nữa, ngay trong nội dung tờ khai xin cấp mã số thuế có tới 26 nội dung với rất nhiều nội dung trùng lặp. Ví dụ các quy định về kê khai đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc, chủ doanh nghiệp, giám đốc và địa chỉ của họ, tên và địa chỉ của ng-ời góp vốn cao nhất... Những thông tin này có thể tìm thấy trong giấy chứng nhận ĐKKD và danh sách thành viên góp vốn.
- Thủ tục sử dụng hoá đơn tự in rất phức tạp, thậm chí còn phức tạp hơn mua hóa đơn nhiều lần. Để có thể sử dụng hóa đơn tự in, doanh nghiệp phải hoàn tất ít nhất 4 thủ tục (đăng ký sử dụng hóa đơn tự in, in hóa đơn theo chỉ định, đăng ký l-u hành hóa đơn, thông báo phát hành hóa đơn), với khoảng thời gian không d-ới 15 ngày và chi phí không nhỏ. Trên thực tế rất ít doanh nghiệp tự in hoá đơn.
- Thực tế cho thấy rằng hạn chế số l-ợng mua hoá đơn đã gây tốn thời gian đi lại và nhiều phiền hà cho doanh nghiệp, đặc biệt trong tr-ờng hợp có nhu cầu sử dụng đột xuất.⁵³ Nhiều doanh nghiệp đã biên chế một ng-ời th-ờng trực để đi mua hóa đơn. Hơn nữa, có nơi cơ quan thuế chỉ bán mỗi lần 1 quyển hoá đơn và chỉ bán theo lịch là vào các ngày thứ 2, 4 và 6 hàng tuần.⁵⁴
- Doanh nghiệp chuyển trụ sở sang địa điểm khác thì cũng phải làm thủ tục để mua hóa đơn với cơ quan thuế nơi đến nh- tr-ờng hợp doanh nghiệp mới thành lập. Tuy nhiên, tr-ớc đó doanh nghiệp đã phải hoàn tất quyết toán hóa đơn và thuế với cơ quan thuế nơi đi. D-ới góc độ mua hóa đơn, nhiều doanh nghiệp cho rằng quy định về việc chuyển địa điểm này còn phức tạp hơn là thành lập doanh nghiệp mới.

VI. Mặt bằng kinh doanh

1. Thủ tục giao đất, thuê đất và chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất ⁵⁵

Mặt bằng kinh doanh đ-ợc hiểu là địa điểm mà doanh nghiệp dùng để tiến hành hoạt động kinh doanh, bao gồm nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng, cửa hiệu, nhà x-ởng... Ngoài trụ sở chính, tùy vào loại hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể phải cần thêm mặt bằng để xây dựng nhà x-ởng, lắp đặt dây chuyền sản xuất kinh doanh, mở chi nhánh, VPĐD, cửa hàng...

⁵³ Doanh nghiệp đ-ợc mua không quá 2 quyển cho mua hóa đơn lần đầu và số l-ợng lần mua tiếp theo sẽ căn cứ vào số l-ợng hóa đơn sử dụng trong tháng tr-ớc.

⁵⁴ Ghi chép trong quá trình khảo sát ở Hà Tây

⁵⁵ Các quy định về thủ tục giao đất, thuê đất và chuyển nh-ợng đất đ-ợc quy định tại Luật Đất đai (2003) và Nghị định 181 h-ớng dẫn thi hành luật này. Các phân tích và trích dẫn trong phần này chủ yếu đ-ợc dựa trên hai văn bản này.

Địa điểm đặt trụ sở chính phải là một địa chỉ nhà cụ thể. Nhà đó có thể là sở hữu của doanh nghiệp hoặc đi thuê. Việc thuê nhà đặt trụ sở chính của doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định pháp luật về hợp đồng. Đó có thể là hợp đồng dân sự hoặc hợp đồng kinh tế. Nơi đặt trụ sở chính cũng có thể là nhà thuộc sở hữu của cổ đông góp vốn vào doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp cần xây dựng nhà máy sản xuất hoặc công trình khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh.... thì cần phải có đất. Một trong những nguyên tắc quản lý sử dụng đất theo Luật Đất đai là đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và quản lý đất theo mục đích sử dụng.⁵⁶ Tùy vào từng loại đất cụ thể mà người sử dụng có các quyền và nghĩa vụ, cũng như các hình thức sử dụng đất khác nhau. Đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, doanh nghiệp được lựa chọn 1 trong 3 hình thức sử dụng sau: (1) Nhận giao đất có thu tiền sử dụng của Nhà nước; (2) Được thuê đất của Nhà nước; (3) Nhận chuyển quyền sử dụng đất, thuê lại đất.⁵⁷

1.1. Thủ tục nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất của Nhà nước

Nhận giao đất có thu tiền sử dụng của Nhà nước được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn có vốn từ NSNN, sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, đất để làm mặt bằng chế biến khoáng sản.

Hồ sơ xin nhận giao đất gồm có: (1) Đơn xin giao đất; (2) Dự án đầu tư; và (3) Bản sao giấy phép đầu tư có công chứng (đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài). Hồ sơ được lập thành 2 bộ và nộp cho cơ quan quản lý đất đai của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất.

Đối với đất đã được giải phóng mặt bằng, thời hạn xem xét giải quyết việc giao đất, áp dụng như sau:

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ làm các thủ tục cần thiết và trao quyết định giao đất cho người được giao đất.
- Sau khi có quyết định giao đất, người được giao đất thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến quyết định giao đất.
- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày người được giao đất thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý đất đai tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao đất, thuê đất.

Đối với đất chưa được giải phóng mặt bằng, thời hạn xem xét giải quyết việc giao đất, áp dụng như sau:

- Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục cần thiết để ra quyết định giao đất.

⁵⁶ Điều 13 Luật Đất đai. Tùy theo mục đích sử dụng đất mà doanh nghiệp có hình thức sử dụng đất khác nhau. Luật đất đai căn cứ vào mục đích sử dụng đã phân ra làm nhiều loại đất. Trong đó đất sử dụng cho mục đích sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp, đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

⁵⁷ Điều 84(2)(a) Nghị định 181: Đối với khu công nghiệp được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất cho doanh nghiệp để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp thì người có nhu cầu sử dụng đất trong khu công nghiệp được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất của doanh nghiệp kinh doanh khu công nghiệp đó.

- Sau khi có quyết định giao đất, UBND huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng.
- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính, sẽ tiến hành tổ chức bàn giao đất trên thực địa và trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao đất.

1.2. Xin thuê đất

Việc cho thuê đất của Nhà nước được lựa chọn thay thế hình thức giao đất có thu tiền sử dụng trong những trường hợp nói trên và được áp dụng trong trường hợp thăm dò, khai thác khoáng sản và đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Doanh nghiệp xin thuê đất sẽ phải trả tiền thuê đất hàng năm. Về cơ bản, thủ tục xin thuê đất giống như thủ tục xin giao đất.

Việc quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi có quyết định thu hồi đất đó.

Tổ chức kinh tế được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất được chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cho thuê quyền sử dụng đất, tặng, cho, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn... Đối với tổ chức kinh tế được nhà nước cho thuê đất không có một số quyền nêu trên đối với trường hợp được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng.

1.3. Chuyển mục đích sử dụng đất

Nếu đất được giao hoặc thuê là đất nông nghiệp thì phải chuyển thành đất phi nông nghiệp và làm thủ tục xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà làm thay đổi mục đích sử dụng đất thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất phải được phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp thuê đất của người đang sử dụng đất thì người thuê đất không được chuyển mục đích sử dụng đất. Thủ tục như sau:

Hồ sơ nộp tại cơ quan quản lý đất đai huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất. Hồ sơ gồm có: (1) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và (3) Dự án đầu tư.

Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục hành chính cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và thông báo lý do. Sau đó, người được phép chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính cho việc chuyển mục đích sử dụng đất. Trong thời hạn không quá 5 ngày kể từ ngày thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý cho người được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

1.4. Nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Đối với trường hợp mục đích sử dụng của thửa đất khác với mục đích của dự án, thì phải thực hiện thêm thủ tục chuyển mục đích sử dụng trước khi thực hiện thủ tục thuê quyền sử dụng đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; hoặc sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.⁵⁸

⁵⁸ Mục 2, Thông tư 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ Tài nguyên Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 181/2004/NĐ-CP.

Tổ chức, cá nhân muốn góp vốn bằng quyền sử dụng đất, phải nộp hồ sơ tới Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Hồ sơ gồm có: (1) *Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất; hợp đồng này phải có chứng nhận của công chứng nhà n-ớc hoặc UBND xã, ph-òng, thị trấn nơi có đất; và (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thẩm tra hồ sơ và thực hiện việc đăng ký góp vốn vào hồ sơ địa chính. Tr-ờng hợp việc góp vốn phát sinh pháp nhân mới thì gửi hồ sơ đăng ký góp vốn đến cơ quan quản lý đất đai thuộc UBND cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho pháp nhân mới đó.

1.5. Căn cứ giao đất, cho thuê đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.⁵⁹

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất đ-ợc thực hiện trên cơ sở:

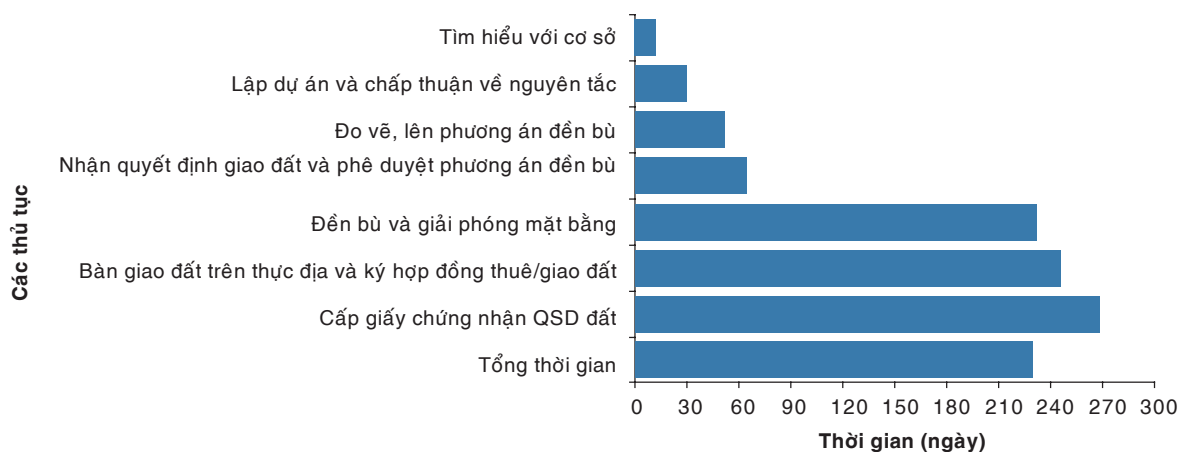
- Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong hồ sơ dự án đầu t-. Sở Tài nguyên Môi tr-ờng sẽ cùng với các Sở ngành liên quan tiến hành thẩm định về nhu cầu sử dụng đất.
- Ý thức chấp hành tốt pháp luật về đất đai của ng-ời xin giao đất, thuê đất đã đ-ợc nhà n-ớc cho thuê đất, giao đất tr-ớc đó để thực hiện dự án đầu t-, sản xuất kinh doanh.
- Quy hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc kế hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân c- nông thôn đã đ-ợc cơ quan nhà n-ớc có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tình hình thực tế của việc giao đất, thuê đất và chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất

Tìm hiểu quy trình thuê đất, xin giao đất thấy nổi lên một số vấn đề nh- sau. Thứ nhất, quá trình tìm mặt bằng sản xuất kinh doanh là phức tạp nhất trong các loại thủ tục hành chính để thành lập doanh nghiệp tiến hành kinh doanh; phải trải qua thời gian dài nhất với nhiều thủ tục nhất và cũng tốn kém không ít.

Để đ-ợc Nhà n-ớc giao đất, cho thuê đất doanh nghiệp phải trải qua ít nhất một quá trình với 7 thủ tục sau: (1) *tìm hiểu với chính quyền cơ sở về việc xin giao đất hoặc thuê đất; (2) xin chấp thuận về nguyên tắc; (3) lập dự án và lên ph-ơng án đền bù; (4) phê duyệt dự án và ph-ơng án đền bù; (5) giải phóng mặt bằng; (6) bàn giao mặt bằng và ký hợp đồng thuê/giao đất; (7) nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

Hình 9: Thời gian làm các thủ tục giao/thuê đất (ngày)



⁵⁹ Điều 30 Nghị định 181.

Kết quả khảo sát cho thấy, tổng thời gian trung bình để hoàn tất các thủ tục trên phải mất khoảng 230 ngày (xem hình 9).

Thực tế cho thấy một quy trình xin thuê đất/giao đất thường liên quan đến nhiều cơ quan hữu quan; đã có trường hợp để hoàn tất thủ tục này doanh nghiệp cần một hồ sơ với 40 con dấu và chữ ký và phải mất khoảng thời gian là 90 ngày⁶⁰. Có những trường hợp, mất hơn một năm mà doanh nghiệp vẫn chưa hoàn tất thủ tục xin thuê đất (xem hộp 2).

Hộp 2

Thủ tục Xin thuê đất, Chuyển Nhượng đất - Thật phức tạp!

Để hoàn tất thủ tục xin thuê đất chuyển nhượng, một doanh nghiệp tại một tỉnh vùng Cao Nguyên cho biết họ phải trải qua những thủ tục sau:

- 1) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hợp đồng này ngoài chữ ký của hai bên, còn phải có xác nhận của UBND phường nơi có đất; xác nhận của trường phòng QLĐT-nhà đất và xác nhận của UBND tỉnh.
- 2) Sau đó doanh nghiệp làm tờ trình gửi UBND thị xã, thành phố thuộc tỉnh đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Kèm theo tờ trình là: (i) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, (ii) Giấy Chứng nhận ĐKKD, (iii) Ph-ơng án đầu t- kinh doanh, và (iv) Đơn đăng ký sử dụng đất
- 3) UBND thị xã sau khi kiểm tra, thẩm tra, trình lên UBND tỉnh để quyết định (sau 45 ngày, kể từ khi nhận đ-ợc tờ trình).
- 4) Sau khi nhận đ-ợc tờ trình UBND thành phố, thị xã thuộc tỉnh, UBND tỉnh sẽ quyết định thông qua chủ trương cho phép, sau khi có ý kiến của các Sở ngành nh- Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Nông nghiệp Phát triển Nông thôn (90 ngày sau);
- 5) Sau khi có chủ trương, Sở Xây dựng phối hợp với các sở ngành tiến hành kiểm tra hiện trạng địa điểm xây dựng. Đoàn kiểm tra gồm đại diện Sở Xây dựng, Sở công nghiệp, phòng quản lý đô thị nhà đất thành phố, và các sở ngành khác. (Doanh nghiệp lại phải trực tiếp gửi công văn xin ý kiến lên các Sở này) (43 ngày sau).
- 6) Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến và làm công văn trình UBND tỉnh phê duyệt địa điểm kinh doanh; đồng thời gửi Sở Tài nguyên Môi trường và Sở Công nghiệp (110 ngày sau khi đã thẩm tra và thẩm định địa điểm đ-ợc tiến hành).
- 7) Trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng và ý kiến của Sở Tài nguyên Môi trường, UBND đồng ý cho làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính (60 ngày sau).
- 8) Sau đó, Sở Tài chính chủ trì và tiến hành họp liên ngành để xác định nghĩa vụ tài chính (thu tiền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất). Thành phần gồm đại diện Sở Tài chính, Tài Nguyên Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế, UBND thành phố (42 ngày sau).
- 9) Căn cứ vào kết quả họp liên ngành, liên ngành làm công văn gửi UBND tỉnh đề nghị phê duyệt mức thu tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất. (14 ngày sau).⁶¹

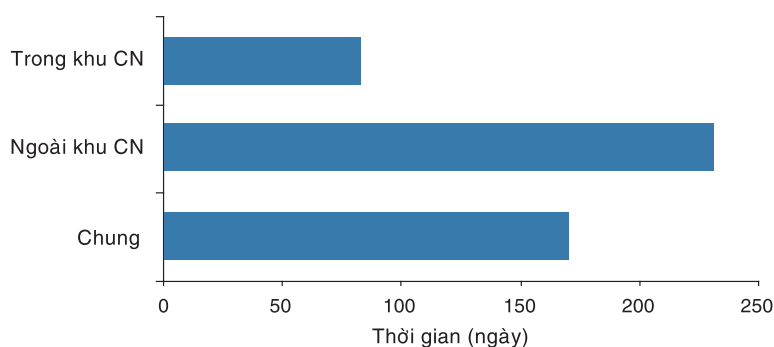
Riêng để thực hiện xong các thủ tục này, (ch-a kể thủ tục phát sinh khi làm hồ sơ, nh- công chứng giấy tờ, xác nhận khác về nhân thân, ..), mất một khoảng thời gian là 404 ngày, với sự tham gia của hầu hết các phòng ban, sở, UBND từ thủ tục đầu đến thủ tục cuối với tổng cộng là 32 con dấu và chữ ký. Doanh nghiệp này cho biết cho tới nay họ vẫn chưa thể hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu và chi phí cho việc thực hiện các thủ tục này là không nhỏ.⁶²

60 Ghi chép trong quá trình khảo sát ở Hà Nam

61 Đến đây, doanh nghiệp vẫn đang phải chờ ý kiến phê duyệt của UBND. Quá trình ch-a kết thúc.

62 Dự kiến các thủ tục mà doanh nghiệp sẽ làm tiếp, bao gồm: (i) UBND tỉnh sẽ phê duyệt nghĩa vụ tài chính; (ii) doanh nghiệp sẽ thanh toán các nghĩa vụ này tại Sở tài chính, (iii) sau khi thanh toán xong, doanh nghiệp sẽ sang Sở Tài nguyên Môi trường để hoàn tất thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất.

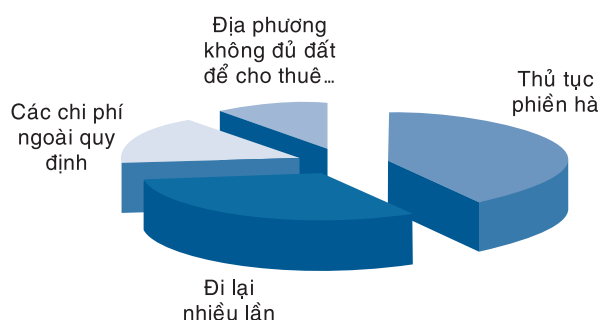
Hình 10: Thời gian làm thủ tục thuê đất trong/ngoài



Thứ hai là thời gian xin thuê đất, giao đất trong khu công nghiệp ngắn hơn so với ngoài khu công nghiệp. Nếu trung bình phải mất 231 ngày để hoàn tất thủ tục thuê đất/giao đất ngoài khu công nghiệp, thì chỉ mất trung bình khoảng 83 ngày để hoàn tất thủ tục thuê đất/giao đất trong khu công nghiệp (xem hình 10). Nếu so sánh giữa 7 tỉnh đ-ợc khảo sát, thì thời gian

hoàn tất thủ tục thuê đất/giao đất ở Đắc Lắc là ngắn nhất, tiếp đến là H-ng Yên, Quảng Nam, Hà Nam, Lào Cai, Hà Tây và An Giang. Kết quả này cũng phần nào phản ánh kết quả một nghiên cứu gần đây đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh về môi tr-ờng kinh doanh⁶³, trong đó H-ng Yên và Quảng Nam đ-ợc đánh giá vào hạng khá, Hà Nam và An Giang đ-ợc xếp vào loại t-ơng đối thấp và Hà Tây xếp cuối cùng trong bảng xếp hạng và đ-ợc đánh giá thấp.

Hình 11: Các khó khăn trong quá trình giao/thuê đất



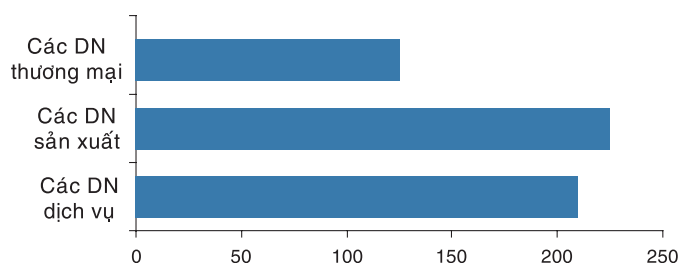
Ba là, trong số các thủ tục thuê đất/giao đất thì thời gian cho việc đền bù và giải phóng mặt bằng chiếm phần lớn thời gian trong cả quy trình (xem hình 9)

Tóm lại, có thể nói thủ tục thuê đất/giao đất đ-ờng nh- là một thủ tục phức tạp nhất và gây tốn nhiều thời gian cũng nh- chi phí cho doanh nghiệp. Theo các doanh nghiệp đ-ợc khảo sát, thì tính phiền hà của thủ tục, việc phải đi

lại nhiều lần, chi phí ngoài quy định và một số khó khăn gián tiếp khác nh- thiếu quỹ đất, giá đất cao... đ-ợc coi nh- là những khó khăn th-ờng gặp trong việc thực hiện thủ tục này (xem hình 11).

Thực tế cho thấy không phải doanh nghiệp nào cũng cần mặt bằng kinh doanh. Tuy nhiên, đây là nhu cầu không thể thiếu đối với doanh nghiệp sản xuất chế biến. Do đó, thủ tục liên quan đến nhận giao đất, thuê đất càng khó khăn phức tạp thì doanh nghiệp sản xuất càng bị ảnh hưởng nhiều hơn. Hơn thế nữa, theo kết quả khảo sát, giữa các loại doanh nghiệp, thì doanh nghiệp sản xuất cũng phải

Hình 12: Tổng thời gian trung bình để xin giao/thuê đất phân theo loại hình doanh nghiệp (ngày)



mất thời gian lâu hơn để hoàn thành thủ tục thuê/giao đất (xem hình 12). Có doanh nghiệp cho rằng việc một doanh nghiệp mất từ 2-3 năm, thậm chí lâu hơn để tìm đ-ợc mặt bằng kinh doanh đã trở thành chuyện rất bình th-ờng và họ cho rằng “trong những tr-ờng hợp nh- vậy, cơ hội kinh doanh sẽ qua đi và doanh nghiệp sẽ nản lòng”⁶⁴.

63 VNCI-VCCI (2005): Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp Tỉnh về Môi tr-ờng Kinh doanh ở Việt Nam.

64 Lê Khắc Triết, Giám đốc Công ty Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ Th-ơng mại.

Theo ý kiến chúng tôi, nguyên nhân sâu xa của sự phiền hà này (nh- phản ánh trong kết quả điều tra) chính là những bất cập trong các quy định về thủ tục này. Cụ thể:

- *Phức tạp trong khâu đền bù giải phóng mặt bằng.* Luật đất đai năm 2003 quy định việc thoả thuận đền bù giải phóng mặt bằng do doanh nghiệp tự đảm nhận với sự phối hợp của UBND. Điều này d-ờng nh- gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp trong giải quyết việc đền bù giải phóng mặt bằng. Doanh nghiệp sẽ mất thời gian hơn để thoả thuận với ng-ời dân. Nếu khu đất liên quan đến hàng trăm, nghìn hộ gia đình thì việc thoả thuận này có thể kéo dài hàng năm. Hơn nữa, thay đổi về giá cả trên thị tr-ờng có thể sẽ dẫn đến tr-ờng hợp, dân sẽ yêu cầu doanh nghiệp đền bù với giá leo thang.
- *Thực tế có câu chuyện 5 triệu một chỉ tiêu lao động.* Đó là tr-ờng hợp, khi doanh nghiệp thoả thuận đền bù giải phóng mặt bằng sản xuất, ng-ời dân yêu cầu doanh nghiệp ngoài mức đền bù thông th-ờng, doanh nghiệp phải nhận 1 lao động/ 1 sào đất. Nếu không nhận thì phải đền bù tiếp là 5 triệu/1 ng-ời - là mức do dân thoả thuận với nhau và bắt buộc doanh nghiệp phải chấp nhận. Kết quả là doanh nghiệp đã phải nhận 250 lao động địa ph-ơng trên tổng số 300 lao động. Hơn thế nữa, ng-ời dân lại còn có thể bán chỉ tiêu cho ng-ời khác. Vấn đề ở đây là lao động địa ph-ơng th-ờng có trình độ tay nghề và văn hoá thấp, không đáp ứng yêu cầu lao động của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp khi nhận lại phải tốn kém để đào tạo họ. Doanh nghiệp cũng rất khó xử lý khi công nhân vi phạm kỷ luật lao động, khó sa thải họ vì việc nhận họ đã coi nh- một sự đền bù cho đất.
- *Thực tế cho thấy, ngay cả khi thuê đ-ợc đất thì việc giải phóng mặt bằng cũng không đơn giản.* Vụ tranh chấp giữa nhân dân các huyện Hoài Đức, Quốc Oai, Khu công nghiệp An Khánh ở Hà Tây là những vụ điển hình. Vụ công ty Kim Bài ở Thanh Oai, Hà Tây, mặc dù UBND tỉnh đã có quyết định cho thuê 6444 m² đất ao để mở rộng sản xuất kinh doanh bia, nh-ng ng-ời dân địa ph-ơng xung quanh phản đối, làm cho doanh nghiệp đến nay (sau gần 2 năm) ch-a triển khai đ-ợc dự án mở rộng⁶⁵.

Hộp 3

Sau hơn 3 năm vẫn không thể hoàn thiện thủ tục xin thuê đất

Năm 2002, công ty Công ty Kim Bài (Thanh Oai, Hà Tây) làm đơn xin thuê 6444 m² đất ao hồ, công ích sau nhà máy của công ty tại huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Sau 2 năm (năm 2004), UBND tỉnh đã có quyết định cho thuê đất, sau khi có ý kiến và sự thẩm định của 9 ngành (kế hoạch và đầu t-, tài chính, xây dựng, công nghiệp, tài nguyên-môi tr-ờng, UBND huyện Thanh Oai, UBND thị trấn, cục thuế). Doanh nghiệp đã chấp nhận bồi th-ờng đất công là 11.000đ/m² và hỗ trợ UBND xây dựng hạ tầng cơ sở là 3.300.000đ/sào. Ngày 1/8/2004 công ty dự định tiến hành san lấp mặt bằng để triển khai dự án, nh-ng bị ng-ời dân xung quanh phản đối. UBND đã giao cho doanh nghiệp họp với dân (tổng cộng 10 lần) nh-ng không giải quyết đ-ợc, với lý do là dân sợ rằng việc mở rộng nhà máy gây ảnh h-ởng đến dòng n-ớc thải (mặc dù, dự án mở rộng sản xuất đã có biện pháp xử lý n-ớc thải đạt tiêu chuẩn). Tình hình cho đến nay vẫn đang chờ đ-ợc giải quyết⁶⁶.

65 Theo quan sát của chúng tôi, lý do những vụ việc phức tạp ở Hà Tây trong quá trình giải phóng mặt bằng là (i) ng-ời dân mất lòng tin ở Chính quyền; có sự nghi ngờ trong dân về sự tham nhũng của Chính quyền; (ii) lo lắng của ng-ời dân đối với sự ô nhiễm môi tr-ờng khi doanh nghiệp triển khai dự án, và (iii) do ở Hà Tây đã thành phong trào; ng-ời dân lạm dụng việc này để nhằm có thêm đ-ợc tiền đền bù.

66 Ghi chép trong buổi làm việc với nhà máy bia Kim Bài-Thanh Oai, Hà Tây, tháng 2 năm 2005.

- *Bất hợp lý của việc phân chia đất theo loại đất.*
- *Việc giao đất hoặc cho thuê đất sản xuất kinh doanh đều gắn với một dự án kinh doanh cụ thể. Chính điều này đã làm bó buộc doanh nghiệp và dẫn đến một số bất hợp lý là doanh nghiệp phải bó buộc việc sử dụng đất cho dự án đã trình. Giả sử, sau một năm xin thuê đất, doanh nghiệp đ-ợc thuê đất, nh-ng cơ hội kinh doanh qua đi, doanh nghiệp muốn chuyển sang kinh doanh sản phẩm khác thì lại phải thực hiện lại các thủ tục nh- thuê đất thực hiện dự án mới hoặc nếu không doanh nghiệp sẽ bị thu hồi đất. ở một số địa ph-ơng, thậm chí doanh nghiệp khó có thể giao đất của mình cho chi nhánh để hoạt động⁶⁷.*
- *Tính khả thi và hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu t- th-ờng đ-ợc đánh giá và dùng làm căn cứ để quyết định cho thuê đất hoặc giao đất. Điều này đã và đang cản trở rất lớn cho doanh nghiệp. Ph-ơng án kinh doanh mới chỉ dừng lại ở ý t-ởng kinh doanh. Do đó, sẽ khó tìm ra tiêu chí cụ thể, rõ ràng nào để cơ quan nhà n-ớc đánh giá hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án. Thực tế, nhà đầu t- sẽ là ng-ời bị thiệt hại tr-ớc hết nếu dự án hoạt động không hiệu quả. Thành công của dự án phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Có thể có tr-ờng hợp, một dự án đ-ợc cơ quan nhà n-ớc đánh giá là khả thi nh-ng lại không thực hiện đ-ợc trên thực tế. Tóm lại, việc căn cứ vào hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu t- để quyết định giao đất hay cho thuê đất không có ý nghĩa thực tế. Nh-ng, đó có thể lại là một d- địa cho sự tham nhũng.*
- *Mặc dù về nguyên tắc, việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất là đ-ợc thừa nhận trong Luật đất đai và văn bản h-ớng dẫn thi hành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy những quy định này còn có v-ớng mắc và không khuyến khích việc góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất.*

Về mặt pháp lý, góp vốn phải bằng tài sản thuộc quyền sở hữu và khi đã góp vốn vào công ty thì phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho công ty⁶⁸. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật về đất đai, thì chuyển quyền sử dụng đất cũng đồng nghĩa với việc ng-ời nông dân mất quyền sử dụng đất⁶⁹. Và chính tâm lý sự mất đất này đã không khuyến khích việc góp vốn bằng đất.

Do đó, phải quy định ng-ời dân có quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất để họ sáng tạo ý t-ởng kinh doanh trên mảnh đất của mình. Nhà n-ớc chỉ quy hoạch mang tính định h-ớng phát triển khu dân c-, khu công nghiệp, đất mỏ; còn vùng đất nào là nông nghiệp, chăn nuôi hay trồng trọt là do ng-ời dân quyết định theo điều tiết của thị tr-ờng.

VII. Xây dựng nhà x-ởng

1. Thủ tục về xây dựng công trình⁷⁰

Để tiến hành xây dựng công trình, nhà đầu t- phải thực hiện các b-ớc sau: (i) lập dự án đầu t- xây dựng công trình; (ii) khảo sát thiết kế xây dựng; (iii) xin giấy phép xây dựng; và (iv) thi công xây dựng.

1.1. Lập dự án đầu t- xây dựng công trình:

Mục tiêu của việc lập dự án xây dựng công trình là để cơ quan có thẩm quyền xem xét hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án⁷¹. Đối với những công trình xây dựng quy mô nhỏ thì dự án đầu t- xây dựng công trình thể hiện bằng *báo cáo kinh tế - kỹ thuật*. Đối với những công trình quy mô lớn, thì phải lập báo cáo đầu t- xây dựng công trình để xin phép đầu t-, sau đó mới lập dự án đầu t- xây dựng công trình. Theo Điều 12(1) Nghị định 16 thì chỉ một số ít dự án không phải lập dự án mà chỉ phải lập *báo cáo kinh tế-kỹ thuật*, đó là công trình xây dựng cho mục đích tôn giáo, công trình cải

⁶⁷ Ghi chép tại chuyến khảo sát tại H-ng Yên.

⁶⁸ Điều 22 Luật Doanh nghiệp quy định khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất thì phải chuyển quyền sử dụng đất cho công ty.

⁶⁹ Nguyễn Đình Cung (2004). Thời Điểm cho Sự Thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và Khuyến nghị. CIEM, GTZ, UNDP, tr. 19-20.

⁷⁰ Điều 4(3) Nghị định 16/2005/ND-CP

⁷¹ Điều này d-ờng nh- chỉ đúng với dự án đầu t- có nguồn vốn từ ngân sách Nhà n-ớc.

tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới trụ sở cơ quan có tổng mức đầu t- d-ới 3 tỷ, và dự án hạ tầng xã hội có vốn NSNN d-ới 7 tỷ và không nhằm mục đích kinh doanh.

Ng-ời đ-ợc phép lập dự án là tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 38 Luật Xây dựng. Chủ đầu t- có thể tự lập dự án xây dựng công trình nếu đủ điều kiện.

Đối với dự án đầu t- xây dựng thuộc nhóm A (theo phân loại trong Phụ lục 1 của Nghị định 16) thì sẽ do Thủ t-ớng Chính phủ cho phép đầu t-. Thời hạn bao lâu thì Thủ t-ớng có quyết định cho phép đầu t- là không rõ. Nh-ng tối đa không quá 42 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu t- nộp báo cáo đầu t- xây dựng tới khi bộ ngành có ý kiến chính thức trình Thủ t-ớng quyết định.

Đối với dự án nhóm A sau khi có quyết định cho phép đầu t- của Thủ t-ớng và các dự án nhóm B và C, để tiến hành đầu t- xây dựng công trình sẽ phải lập dự án đầu t- xây dựng công trình để trình cấp có thẩm quyền tiếp tục phê duyệt. Hồ sơ trình phê duyệt dự án bao gồm: (1) *Tờ trình*; (2) *Thuyết minh và thiết kế cơ sở (gồm thuyết minh cơ sở và bản vẽ thiết kế cơ sở)* với số l-ợng tối thiểu là 9 bộ; và (3) *Văn bản cho phép đầu t- của cấp có thẩm quyền (chỉ đối với dự án quan trọng và dự án nhóm A)*.

Thẩm quyền và thời gian thẩm định dự án đầu t- xây dựng công trình:

- Đối với dự án nhóm A thì thẩm quyền là thuộc bộ chuyên ngành nh- quy định tại điều 9(4) Nghị định 16/2005/NĐ-CP; đối với dự án nhóm B, C thì do các sở ngành hoặc bộ chịu trách nhiệm thẩm định theo nh- quy định tại điều 9(5)&(6) Nghị định 16/2005/NĐ-CP.
- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Thời gian thẩm định dự án (kể cả thiết kế cơ sở) là không quá 60 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). Thời gian thẩm định này có thể kéo dài thêm nh-ng phải đ-ợc sự đồng ý của cơ quan quyết định cho phép đầu t-.
- Chủ đầu t- tự quyết định đầu t- sau khi có kết quả thẩm định dự án (riêng đối với dự án không sử dụng vốn NSNN).

Trong dự án đầu t- xây dựng công trình, phải có ph-ơng án giải phóng mặt bằng. Ph-ơng án này đ-ợc phê duyệt đồng thời với phê duyệt dự án đầu t- xây dựng công trình.

1.2. Thiết kế xây dựng công trình

Tùy theo tính chất, quy mô công trình, thiết kế xây dựng công trình có thể đ-ợc lập một b-ớc, hai b-ớc hoặc ba b-ớc.

- Thiết kế một b-ớc là thiết kế bản vẽ thi công đ-ợc áp dụng đối với công trình chỉ phải lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật.
- Thiết kế hai b-ớc là thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công, áp dụng đối với công trình phải lập dự án đầu t- xây dựng.
- Thiết kế ba b-ớc là thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công đối với dự án quy mô lớn, phức tạp.

Về nguyên tắc, các b-ớc thiết kế tiếp theo chỉ đ-ợc thực hiện sau khi b-ớc thiết kế tr-ớc đã đ-ợc phê duyệt.

Thiết kế cơ sở phải đ-ợc cơ quan quản lý nhà n-ớc có thẩm quyền về xây dựng tổ chức thẩm định khi phê duyệt dự án đầu t- xây dựng công trình⁷². Đối với các b-ớc tiếp theo, chủ đầu t- tổ chức thẩm định, phê duyệt, nh-ng không đ-ợc trái với thiết kế cơ sở đã đ-ợc phê duyệt.

Chỉ có cá nhân, tổ chức đủ điều kiện mới đ-ợc phép thực hiện thiết kế xây dựng công trình.

⁷² Xem thêm phần 2(a) bên trên.

1.3. Giấy phép xây dựng.

Trước khi tiến hành xây dựng công trình, chủ đầu tư phải xin cấp giấy phép xây dựng tại UBND cấp tỉnh hoặc cấp huyện. Hồ sơ xin giấy phép xây dựng gồm có: (1) Đơn xin cấp giấy phép xây dựng; (2) Bản vẽ thiết kế xây dựng công trình; (3) Giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (có công chứng). Điều 65 của Luật Xây dựng quy định 8 điều kiện để xem xét cấp giấy phép xây dựng.

Giấy phép xây dựng sẽ được xem xét cấp trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không tính vào thời hạn cấp giấy phép xây dựng.

Trước khi tiến hành xây dựng, người xin phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho UBND ít nhất 7 ngày trước khi khởi công xây dựng công trình. Khi được cấp giấy phép xây dựng, người xin cấp phép phải nộp một khoản lệ phí theo quy định tại Thông tư số 3/2001/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2001 của Bộ Tài chính.

1.4. Thi công công trình xây dựng

Để khởi công công trình xây dựng, phải đảm bảo các điều kiện sau: (1) Có mặt bằng xây dựng; (2) Có giấy phép xây dựng; (3) Có bản vẽ thi công đã được phê duyệt; (4) Có hợp đồng xây dựng; (5) Có đủ nguồn vốn để đảm bảo tiến độ xây dựng công trình theo tiến độ đã được phê duyệt; (6) Có biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng; (7) Đối với khu đô thị mới, tùy theo tính chất, quy mô phải xây dựng xong toàn bộ hoặc từng phần các công trình hạ tầng kỹ thuật thì mới được khởi công xây dựng công trình.

Tuy nhiên, đơn vị thi công xây dựng công trình phải đáp ứng một số điều kiện nhất định⁷³.

1.5. Giám sát thi công xây dựng công trình

Chế độ giám sát thi công xây dựng công trình bắt buộc thực hiện đối với mọi công trình xây dựng. Chỉ có tổ chức đủ điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng hoặc cá nhân có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng mới được thực hiện giám sát xây dựng công trình.

2. Thực tế

Thủ tục xây dựng công trình được coi là phức tạp, làm tốn thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp trong việc xin phép xây dựng. Kết quả khảo sát cho thấy, tính trung bình thời gian xin phép xây dựng là 30 ngày. Trên thực tế, có trường hợp thời gian chạy thủ tục nhiều khi lớn hơn thời gian xây dựng nhà máy. Nên bỏ thủ tục lập dự án xây dựng công trình của doanh nghiệp dân doanh. Quy định của Luật Xây dựng dường như chỉ để áp dụng cho các công trình xây dựng vốn ngân sách nhà nước, mà việc áp dụng vào công trình dân doanh là không phù hợp. Nhà nước cần ban hành các tiêu chuẩn an toàn công trình xây dựng và ngoài ra không nên có quy định nào khác nữa.

VIII. Giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề và điều kiện kinh doanh

Nguyên tắc doanh nghiệp được kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm là một trong những nguyên tắc cốt lõi, góp phần vào sự thành công của Luật Doanh nghiệp. Nguyên tắc này trên thực tế đã bị hạn chế rất nhiều bởi cái gọi là giấy phép, chứng chỉ hành nghề và các loại giấy tờ tương tự. Từ năm 2000, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã nỗ lực rất lớn trong việc bãi bỏ giấy phép không cần thiết, gây cản trở cho hoạt động kinh doanh. Đến nay, tổng số giấy phép đã được bãi bỏ là 159 giấy phép các loại.

⁷³ Tham khảo Luật Xây dựng để biết rõ hơn về các quy định liên quan tới lập dự án xây dựng công trình, thiết kế xây dựng công trình, giấy phép xây dựng, thi công công trình xây dựng và giám sát thi công công trình xây dựng như đã được đề cập trong phần này.

Thực tế, khó có thể biết chính xác là hiện nay có bao nhiêu loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cũng như bao nhiêu ngành nghề cần điều kiện kinh doanh và cụ thể cần điều kiện gì. Cái khó là chúng được quy định ở nhiều loại văn bản khác nhau và được biến đổi với nhiều hình thức khác nhau. Tính đến tháng 2 năm 2005, Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thống kê được là có khoảng 300 loại giấy phép kinh doanh và chứng chỉ hành nghề các loại⁷⁴, phân theo các ngành như sau:

Hộp 4

Số lượng các giấy phép con còn hiệu lực phân theo từng ngành

- Ngành văn hóa thông tin: 41 giấy;
- Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn: 37 giấy;
- Ngành ngân hàng: 34 giấy;
- Ngành tài chính: 24 giấy;
- Ngành giao thông vận tải: 23 giấy;
- B-u chính viễn thông: 20 giấy;
- Ngành thủy sản: 19 giấy;
- Ngành công an: 17 giấy;
- Ngành tài nguyên môi trường: 15 giấy;
- Ngành khoa học công nghệ: 15 giấy;
- Ngành y tế: 15 giấy.
- Ngành t- pháp: 11 giấy;
- Ngành thương mại: 10 giấy;
- Ngành chứng khoán: 8 giấy;
- Ngành lao động, thương binh và xã hội: 5 giấy;
- Ngành công nghiệp: 5 giấy;
- Ngành hàng không: 4 giấy;
- Ngành du lịch: 3 giấy;
- Ngành hải quan: 3 giấy;
- Ngành xây dựng: 3 giấy;
- Ngành quốc phòng: 2 giấy;
- Ngành giáo dục: 1 giấy;

Nguồn: Ban Nghiên cứu Thủ tướng Chính phủ, Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (2005)

Theo suy nghĩ của chúng tôi, trên thực tế con số này còn lớn hơn nhiều. Hơn thế nữa, nhiều giấy phép đã được bãi bỏ nay được phục hồi lại với hình thức khác. Có thể phác họa bức tranh thực tế về giấy phép như sau.

1. Đa dạng về hình thức và cơ quan cấp phép

Giấy phép tồn tại với nhiều hình thức khác nhau và tên gọi khác nhau. Đó có thể là một mẫu thống nhất hoặc một quyết định hành chính⁷⁵. Các loại giấy phép phổ biến với tên gọi như là chứng chỉ hành nghề (ví dụ như *chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật*, quy định tại Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật ngày 25/7/2001), giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (*giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường*, quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường ngày 27/12/1993), giấy chứng nhận đăng ký (như *giấy chứng nhận đăng ký thiết bị ngành in*, quy định tại Công văn 271/XB-QLI ngày 17/4/1998 của Bộ Văn hóa Thông tin), giấy phép (như *giấy phép quảng cáo*), và thẻ (như *thẻ ng-ời đại diện sở hữu công nghiệp*, *thẻ hướng dẫn viên du lịch*)...

Điều 6(3) Luật Doanh nghiệp quy định chỉ có Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ mới có thẩm quyền ban hành giấy phép. Trên thực tế có rất nhiều cơ quan khác cũng ban hành giấy phép, như bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố ban hành mà không căn cứ vào Luật, Pháp lệnh và Nghị định. Về nguyên tắc, những giấy phép đó nếu được ban hành cũng sẽ không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại những loại giấy phép như vậy và chúng đang dần dần được luật hóa hay nghị định hóa. Do đó, đồng như quy định Điều 6(3) Luật Doanh nghiệp đã bị vô hiệu hóa.

⁷⁴ Theo Ban Nghiên cứu của Thủ tướng và VCCI, thì đây là 300 loại giấy tờ mà doanh nghiệp phải có trong hoạt động kinh doanh do cơ quan nhà nước cấp như giấy phép, giấy chứng nhận, giấy chấp thuận, quyết định phê duyệt, ...

⁷⁵ Văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy (Luật Phòng cháy và chữa cháy); quyết định cho phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nghị định 27/CP ngày 20/4/1995 của Chính phủ)

Thực tế, một số quy định bất hợp lý về cơ quan cấp phép đã gây ra những khó khăn nhất định cho doanh nghiệp trong việc xin giấy phép. Một số giấy phép chỉ do Bộ hoặc Cục cấp nên gây những tốn kém nhất định về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp ở tỉnh xa trong việc ra Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh để xin phép; đây là ch-a kể việc phải đi lại nhiều lần. Chính vì lý do này rất nhiều nhà đầu t-, doanh nghiệp sẵn sàng chi phí phi chính thức để có đ-ợc giấy phép sớm, mặc dù chi phí đó không nhỏ nh-ng bù lại họ tiết kiệm đ-ợc thời gian.

2. Không rõ về nội dung, mục tiêu, thủ tục, trình tự và thẩm quyền cấp phép

2.1. Nội dung, mục tiêu, thủ tục, trình tự và thẩm quyền cấp phép của nhiều giấy phép kinh doanh là không rõ ràng và thủ tục xin giấy phép hết sức khó khăn

Hiện nay không có ai có thể trả lời đ-ợc những câu hỏi nh- hiện nay có cả thảy bao nhiêu giấy phép các loại? để kinh doanh một ngành nghề nào đó, thì cần những giấy phép nào? trình tự thủ tục cấp phép ra sao? và cần những điều kiện gì để đ-ợc cấp phép?⁷⁶

Thực tế cho thấy có rất nhiều giấy phép mà việc cấp phép dựa trên những điều kiện không rõ ràng, mang tính định tính tạo sự tùy ý cho ng-ời cấp phép. Nhiều điều kiện mang tính ngăn cản sự gia nhập thị tr-ờng. Những quy định nh- vậy tạo d- địa lớn cho tham nhũng hoặc tạo chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp để “đối phó” yêu cầu phi thực tế, và do đó gây ra những lãng phí cho xã hội.

Có giấy phép doanh nghiệp phải thực hiện hàng chục thủ tục (mỗi thủ tục kết quả là một con dấu) với thời gian hàng năm. Mặc dù việc cấp phép phức tạp nh- vậy, nh-ng cuối cùng không rõ cơ quan nào chịu trách nhiệm về việc cấp phép.

Thông th-ờng các giấy phép đều có thời hạn từ một vài tháng đến 1 vài năm. Khi hết thời hạn, ng-ời xin cấp phép lại phải thực hiện thủ tục gia hạn giấy phép. Thực tế cho thấy việc ra hạn giấy phép trong nhiều tr-ờng hợp là rất hình thức, trong tr-ờng hợp khác giống nh- thủ tục xin phép lần đầu. Điều quan trọng nhất là không rõ cơ sở nào để quy định thời hạn của giấy phép.

2.2. Một số ví dụ và minh chứng cụ thể

Một ví dụ điển hình là *giấy phép băng tần*. Điều kiện cấp phép thực hiện theo quy định tại Điều 62, Pháp lệnh B-u chính Viễn thông và Nghị định 24/2004/NĐ-CP ngày 14/1/2004 của Chính phủ, cụ thể:

- Có ph-ơng án phát triển mạng thông tin vô tuyến điện, ph-ơng án kinh doanh dịch vụ viễn thông bảo đảm hiệu quả kinh tế-xã hội và hiệu quả sử dụng băng tần;
- Đối với mạng viễn thông di động công cộng, phải có nhu cầu triển khai băng tần trên phạm vi toàn quốc; đối với viễn thông dùng riêng, mạng nội bộ phải có nhu cầu cao trong việc sử dụng tần số tại một khu vực nhất định;
- Thiết bị phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo qui định của Bộ b-u chính, viễn thông.

Xem xét các điều kiện nh- “đảm bảo hiệu quả kinh tế-xã hội”, “hiệu quả sử dụng băng tần”, “nhu cầu cao”... cho thấy đây là các điều kiện không có tiêu chí rõ ràng để đánh giá. Do vậy, việc đánh giá phụ thuộc vào ý chí chủ quan của ng-ời cấp phép.

Ví dụ tiếp theo là về quy trình xin *giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp*. Thủ tục phức tạp đó đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp khai thác đá. Thủ tục xin một giấy phép sử dụng thuốc nổ, thực tế là cần 8 con dấu và mất khoảng thời gian là 60 ngày. Thứ nhất, khi doanh nghiệp nộp đơn xin giấy phép sử dụng thuốc nổ, thì đơn phải có xác nhận của công an hành chính, công an phòng cháy chữa cháy, sở công nghiệp và sở tài nguyên môi tr-ờng (4 dấu lần 1). Sau đó, các sở tiến hành thẩm định thực tế và họp liên ngành (4 dấu lần 2) rồi mới quyết định cấp phép sử dụng thuốc nổ. Chi phí chính thức thì không có, nh-ng chi phí không chính thức, đặc biệt cho việc thẩm định cũng không ít.

⁷⁶ Điều 4(2) và 5(2) Nghị định 109/2004/NĐ-CP qui định phòng đăng ký kinh doanh có trách nhiệm h-ớng dẫn ng-ời đăng ký kinh doanh về ngành, nghề kinh doanh phải có điều kiện và điều kiện kinh doanh các ngành nghề đó. Thực tế, ch-a phòng đăng ký kinh doanh nào có thể làm đ-ợc điều này.

Quy trình xin giấy phép khai thác mỏ - thật gian nan!

Trước hết, doanh nghiệp phải xin ý kiến của 2 cơ quan quốc phòng và du lịch. Sau đó, doanh nghiệp thoả thuận với UBND xã nơi có mỏ để xin chấp thuận về nguyên tắc. Tiếp đó, doanh nghiệp lên huyện để xin huyện chấp thuận ý kiến của xã và huyện có văn bản gửi lên Sở Tài nguyên Môi trường. Sở giao cho phòng quản lý khoáng sản xuống kiểm tra thực địa, gồm cán bộ địa chính và khoáng sản. Trên cơ sở kết luận của khảo sát, Sở làm công văn đề nghị tỉnh ký gửi cục quản lý khoáng sản. Cục lại tiếp tục kiểm tra và đề nghị Bộ. Bộ đo đạc khu mỏ và nếu chấp thuận thì tùy theo loại mỏ Bộ sẽ quyết định phân cấp cho tỉnh cấp phép hoặc tự quyết định. Sau khi có quyết định của Bộ, tỉnh yêu cầu doanh nghiệp lập dự án khai thác mỏ, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và trung tâm đo đạc địa chính thuộc sở tài nguyên môi trường đến đo đạc lần cuối với chi phí 120đ/m² (khoảng 1,2 triệu/ha và đây là chi phí chính thức). Cuối cùng lại tỉnh cấp phép. Tổng chi phí cho các đợt đi lại xin phép ước tốn khoảng 20 triệu. Thời gian sớm nhất khoảng 3 tháng.

Thực tế có những mỏ thời gian cấp phép vào khoảng 1 năm vì doanh nghiệp phải rất khó khăn mới có được sự chấp thuận của buôn, xã, huyện.

Một ví dụ khác cụ thể khác⁷⁷ là *thẻ ng-ời đại diện sở hữu công nghiệp* do Cục sở hữu công nghiệp (Bộ Khoa học Công nghệ Môi trường) cấp. Để được cấp thẻ, ngoài các điều kiện thông thường khác nh- tốt nghiệp đại học chuyên ngành pháp lý hoặc kỹ thuật, ng-ời xin cấp thẻ phải có chứng chỉ tốt nghiệp khoá đào tạo chính quy về sở hữu công nghiệp (trong khi ở Việt Nam hiện ch-a có cơ sở đào tạo chính quy nào về lĩnh vực này) hoặc phải trực tiếp làm công tác chuyên môn về sở hữu công nghiệp liên tục từ 5 năm trở lên. Ngoài ra, ng-ời xin cấp thẻ còn phải lấy được chứng chỉ đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra do Cục Sở hữu Công nghiệp tổ chức (thực tế các kỳ kiểm tra này được tổ chức rất hạn chế). Do vậy, theo thống kê, trên toàn quốc hiện chỉ có 52 ng-ời được cấp thẻ ng-ời đại diện sở hữu công nghiệp và phần lớn trong số đó là nhân viên cũ của Cục Sở hữu Công nghiệp.

Chứng chỉ hành nghề y t- nhân, hành nghề d-ợc t- nhân đang trở nên không thực tế bởi trình tự, thủ tục rất phiền hà nh-ng lại có phần hình thức. Một bác sĩ đã hành nghề vài chục năm liệu có cần phải cấp chứng chỉ hành nghề nữa hay không? Trong lĩnh vực y học dân tộc, liệu có thể tìm được một số ng-ời có c-ơng vị nào đó để đánh giá năng lực của l-ơng y và cấp chứng chỉ cho họ. Cùng một bác sĩ, nếu làm việc trong bệnh viện nhà n-ớc thì không cần chứng chỉ, nh-ng nếu tự làm thì lại đòi hỏi phải có chứng chỉ, đó cũng là một điều không hợp lý.

Điều 9, Pháp lệnh hành nghề y d-ợc t- nhân quy định điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh t- nhân, bao gồm: (1) Có bằng cấp phù hợp; (2) Có thời gian thực hành tại cơ sở y d-ợc; (3) Có đạo đức nghề nghiệp; và (4) Có giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khoẻ để làm việc. Thời hạn của chứng chỉ là 5 năm. Sau đó, sẽ phải làm hồ sơ để xin gia hạn. Để được cấp chứng chỉ này, thí sinh sẽ phải vượt qua một kỳ thi do Bộ Y tế tổ chức. Để vượt qua kỳ thi này, các thí sinh phải ra Hà Nội để tham dự một lớp ôn thi 3 tháng do Vụ Điều trị, Bộ Y tế tổ chức. Nội dung ôn thi bao gồm kiến thức về pháp luật, các điều răn dạy y đức, quy chế bệnh viện. Theo ý kiến của một ng-ời đã được cấp chứng chỉ thì việc học ôn thi và thi là rất hình thức nh-ng lại tạo ra những chi phí không nhỏ cho thí sinh⁷⁸.

3. Tính hình thức của giấy phép.

Có nhiều giấy phép, việc cấp phép không đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân thứ nhất là do điều kiện cấp phép chỉ mang tính hình thức. Nguyên nhân khác nữa là do việc cấp phép không đi liền với quá trình kiểm tra giám sát, do vậy trên thực tế nhiều doanh nghiệp thường chỉ tập trung đủ những điều kiện để đối phó để được cấp phép mà không chú trọng đến việc tuân thủ các điều kiện đó trong cả quá trình hoạt động.

77 VCCI-Asian Foundation (2004): "Doanh nghiệp và việc Hoàn thiện Môi trường Pháp lý Kinh doanh", trang 115.

78 Ghi chép trong buổi làm việc với Bệnh viện Nhật Tân ở An Giang

Giấy phép l-u hành đặc biệt, đ-ợc cấp cho các loại xe quá khổ, quá tải và xe siêu tr-ờng, siêu trọng theo quy định tại Điều 19(1) Nghị định 36/CP ngày 29/5/1995 và thông t- 112/1998/TT-BGTVT là một ví dụ điển hình về tính hình thức của giấy phép. Mục đích của giấy phép này là cho phép ph-ơng tiện là xe thuộc loại quá khổ, siêu tr-ờng, siêu trọng và xe bánh xích đ-ợc phép đi qua một tuyến, đoạn đ-ờng nào đó. Đối với xe quá khổ, quá tải thì giấy phép đ-ợc cấp theo đề nghị của chủ ph-ơng tiện với thời hạn không quá 90 ngày; đối với xe siêu tr-ờng, siêu trọng và bánh xích thì cấp theo chuyển hàng, đợt hàng (nếu theo yêu cầu đặc biệt thì không quá 30 ngày). Theo ý kiến của các doanh nghiệp thì giấy phép này rất hình thức vì doanh nghiệp đi xin ch-a lần nào bị từ chối. Tuy nhiên, thời hạn giấy phép quá ngắn lên rất mất thời gian xin phép và nhiều khi đẩy doanh nghiệp vào tình trạng vi phạm pháp luật một cách oan ức. Vì vậy, doanh nghiệp đề nghị nên thay bằng việc ghi rõ hạn chế trọng tải trên các tuyến đ-ờng.

4. Thực thi của cơ quan thực thi

Việc thực thi không đúng các quy định về điều kiện kinh doanh bởi cơ quan thi hành pháp luật cũng đã gây không ít khó khăn, tổn kém cho doanh nghiệp, thậm chí làm mất cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp.

Hộp 6

Kinh doanh dịch vụ taxi bị gây khó do quy định ch-a hợp lý

Quyết định 4126 của Bộ GTVT quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ taxi là xe taxi phải có (i) đồng hồ taxi; (ii) bộ đàm; (iii) sơn màu đặc tr-ng; (iv) chữ trên xe bao gồm tên doanh nghiệp, số điện thoại, số xe. Tuy nhiên, điều kiện này đ-ợc một cơ quan chức năng cho rằng các thông tin tên doanh nghiệp, số điện thoại, số xe phải đ-ợc “sơn” trực tiếp vào xe mà không chấp nhận việc “dán đề can”⁷⁹. Lý do cơ quan đó đ-a ra là nếu dán đề can thì dễ bị bóc và thay đổi, và do đó, “đọa” nếu doanh nghiệp không chấp thuận thì sẽ ng-ng hoạt động. Theo ý kiến của doanh nghiệp thì việc sơn lôgô vào xe vừa tổn kém cho doanh nghiệp lại vừa không cần thiết. Thực tế hiện nay, rất nhiều các hãng taxi dùng cách dán đề can.

Ngoài ra, theo ý kiến của doanh nghiệp, việc xe taxi phải có màu sơn đặc tr-ng cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp; khi mà số l-ợng màu có hạn, thì rất khó cho doanh nghiệp tìm ra một màu đặc tr-ng và do đó ít nhất cũng gây thêm chi phí cho doanh nghiệp để làm đ-ợc việc đó.

Tất cả những bất cập nói trên đã dẫn đến một số hậu quả là:

- Thời gian xin cấp phép là không dự định tr-ớc đ-ợc. Trong khi, chi phí chính thức là ít nh-ng chi phí không chính thức th-ờng là khá lớn. Qua khảo sát, có rất ít doanh nghiệp đủ dũng cảm tiết lộ đầy đủ và chính xác thông tin này.
- Nhiều quy định của pháp luật cũng ch-a đủ rõ ràng. Điều này th-ờng dẫn đến việc cơ quan cấp phép có một sự tùy ý rất lớn trong việc cấp phép.
- Tất cả những điều này đã làm tăng độ rủi ro của môi tr-ờng kinh doanh, tăng chi phí kinh doanh một cách không cần thiết.
- Các doanh nghiệp tìm mọi cách để lách giấy phép hoặc sử dụng mọi biện pháp để chỉ áp dụng một cách hình thức.

⁷⁹ Cách giải thích của một cơ quan có thẩm quyền ở Đắc Lắc

Kinh doanh dịch vụ Massage

Kinh doanh ngành nghề dịch vụ xoa bóp. Thông t- số 11/2001/TT-BYT ngày 6 tháng 6 năm 2001 của Bộ Y tế hướng dẫn điều kiện hành nghề dịch vụ xoa bóp quy định điều kiện đối với cơ sở có dịch vụ xoa bóp, trong đó có điều kiện là phải có bác sĩ phụ trách hành nghề dịch vụ xoa bóp⁸⁰. Tuy nhiên, có cơ quan nhà nước không chấp nhận việc doanh nghiệp thuê bác sĩ với lý lẽ là nếu chấp nhận như vậy thì không quản lý được phòng hợp doanh nghiệp thuê bác sĩ chỉ là hình thức⁸¹. Do đó, cơ quan này đã yêu cầu là chỉ có bác sĩ mới được đứng tên kinh doanh dịch vụ này. Cách giải thích trái pháp luật này đã làm cho doanh nghiệp lại phải lách luật bằng cách thuê một bác sĩ và yêu cầu ông này làm thủ tục đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể đối với dịch vụ xoa bóp, như địa điểm kinh doanh tại nơi doanh nghiệp. Quy định này đã làm cản trở đến hoạt động kinh doanh đúng pháp luật, gây khó khăn, thêm chi phí cho doanh nghiệp.

80 Phần II, Thông t- 11/2001/TT-BYT quy định điều kiện đối với cơ sở có dịch vụ xoa bóp là phải có bác sĩ phụ trách hành nghề dịch vụ xoa bóp: Bác sĩ phụ trách phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: a) Chuyên môn: bác sĩ chuyên khoa phục hồi chức năng và/ hoặc bác sĩ chuyên khoa y học cổ truyền, bác sĩ đa khoa có chứng chỉ đào tạo về chuyên ngành vật lý trị liệu - phục hồi chức năng tại các trường được Bộ Y tế chỉ định; b) Nếu là cán bộ đang công tác thì phải được phép làm ngoài giờ bằng văn bản của lãnh đạo cơ quan; c) Có đủ sức khỏe để làm việc; d) Chỉ được đăng ký hành nghề tại một cơ sở và chịu trách nhiệm về chuyên môn, kỹ thuật (ng nghiêm cấm việc cho thuê, mượn bằng, chứng chỉ đào tạo); đ) Hợp đồng lao động giữa bác sĩ và chủ cơ sở kinh doanh.

81 Ghi chép trong quá trình khảo sát ở Đắc Lắc



Phần 2

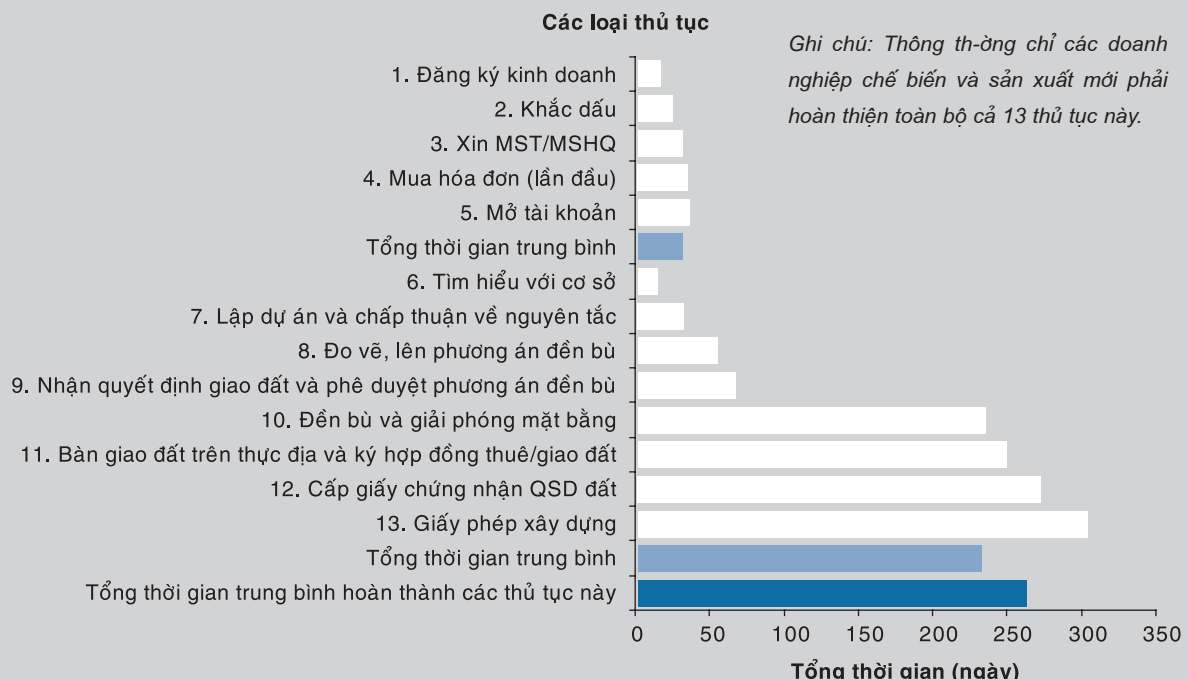
Phát hiện và kiến nghị

I. Phát hiện

1. Việc khởi sự doanh nghiệp đòi hỏi một thời gian dài, thực hiện nhiều thủ tục và đòi hỏi nhiều chi phí không thức.

Để hoàn tất các thủ tục hành chính cho một ý t-ởng kinh doanh đ-ợc thực hiện, theo -ớc tính từ kết quả khảo sát, phải hoàn thành 13 thủ tục chính, với tổng thời gian khoảng 260 ngày, với một khoản chi phí lớn gấp nhiều lần chi phí chính thức (Xem hình 13). Đó là ch-a kể khoảng thời gian từ khi có ý t-ởng kinh doanh đến khi bắt đầu ĐKKD (khoảng thời gian #nung nấu# ý t-ởng này, mà theo kết quả khảo sát trung bình là 7 tháng) và thời gian phải xin phép kinh doanh. Trên thực tế, có nhiều tr-ờng hợp mà để hoàn tất thủ tục này phải mất một khoảng thời gian vài năm⁸².

Hình 13: Tổng thời gian hoàn thành các thủ tục cần thiết để tiến hành hoạt động kinh doanh (ngày)



⁸² Ví dụ có tr-ờng hợp ở An Giang.

Một điểm đáng lưu ý ở đây là các nước càng nghèo, số lượng thủ tục khai sinh một doanh nghiệp càng nhiều và trải qua một khoảng thời gian càng dài. Ở Canada, chỉ mất hai ngày để hoàn tất thủ tục khai sinh một doanh nghiệp và chỉ với 2 thủ tục; ở Thụy Điển là 3 thủ tục. Tuy nhiên để hoàn thiện thủ tục khai sinh cho một doanh nghiệp phải mất 203 ngày ở Haiti và 215 ngày ở Cộng hòa Dân chủ Công Gô⁸³.

Nhìn tổng thể, doanh nghiệp không chỉ khó khăn trong việc thực hiện từng thủ tục riêng lẻ mà trong cả hệ thống các thủ tục này, cụ thể:

- Các thủ tục chỉ có thể được thực hiện sau khi các thủ tục trước đã hoàn tất. Thủ tục khắc dấu chỉ có thể thực hiện sau khi được cấp đăng ký kinh doanh. Cấp mã số thuế chỉ có thể hoàn thành sau khi hoàn thành khắc dấu. Mua hoá đơn chỉ có thể thực hiện sau khi được cấp mã số thuế và việc in hoá đơn, thậm chí còn phức tạp hơn rất nhiều so với mua hoá đơn. Do đó, khó khăn hay trì hoãn trong việc thực hiện một thủ tục cũng có thể gây ra sự trì hoãn, kéo dài cho cả một quá trình.
- Các thủ tục thường bị mất nhiều thời gian cho quá trình chuẩn bị hồ sơ và việc phải đi lại nhiều lần lên cơ quan có thẩm quyền nhận lại và sửa chữa hồ sơ; do đó, thời gian thực tế hoàn tất các thủ tục thường là dài hơn so với thời hạn theo quy định của luật.
- Một số thủ tục là chồng chéo, bất hợp lý, không cần thiết. Ví dụ, các thông tin có trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, khắc dấu và cấp mã số thuế về cơ bản là trùng nhau. Tuy nhiên, trong mỗi thủ tục doanh nghiệp lại phải chuẩn bị một bộ hồ sơ riêng để nộp cho cơ quan có thẩm quyền.

So sánh giữa các loại hình doanh nghiệp, thì công ty cổ phần thường phải hoàn tất thủ tục với khoảng thời gian dài hơn, tỷ lệ công ty phải chi phí ngoài quy định cao hơn. So sánh về ngành nghề kinh doanh, thì ngành sản xuất bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi thủ tục hành chính trong kinh doanh. Hơn thế nữa, rào cản hành chính khác nhau ở các địa phương khác nhau, tùy thuộc vào chất lượng của môi trường kinh doanh ở đó.

2. Cơ chế một cửa được coi là một giải pháp hiệu quả của cải cách hành chính ch-a được hiểu đầy đủ và thống nhất về bản chất.

Quy trình một cửa đang được áp dụng tại một số địa phương đã và đang trở thành một rào cản, đặc biệt khi áp dụng cho công tác đăng ký kinh doanh (ĐKKD). Ở Đắc Lắc là một ví dụ điển hình. Theo ý kiến của doanh nghiệp tại đó và theo quan sát của nhóm tác giả khi đi thực tế tại địa phương, thì việc áp dụng quy trình một cửa đã làm cho kéo dài thời hạn ĐKKD và bổ sung ĐKKD. Sự lòng vòng này thể hiện ở chỗ hồ sơ ĐKKD sẽ được nộp tại tổ 1 cửa; sau đó, tổ một cửa lại chuyển đến Phòng ĐKKD để giải quyết. Nếu phải sửa đổi bổ sung, hồ sơ được chuyển lại tổ một cửa để doanh nghiệp lên nhận về sửa chữa. Hồ sơ sau khi sửa chữa lại được nộp lại cho tổ một cửa để chuyển về Phòng ĐKKD. Nếu giấy phép ĐKKD được cấp thì cũng sẽ được chuyển qua tổ 1 cửa để doanh nghiệp lên nhận về.

Cũng là vận dụng quy trình một cửa, nhưng ở Lào Cai trình tự lại khác và cách thực hiện cũng khác, đó là doanh nghiệp nộp hồ sơ tại phòng ĐKKD và sau đó đến phòng ĐKKD để nhận giấy chứng nhận ĐKKD, mã số thuế và dấu. Một cửa ở đây được hiểu là cả 3 thủ tục ĐKKD, xin mã số thuế và khắc dấu đều có thể được thực hiện tại một đầu mối là phòng ĐKKD.

⁸³ Doing Business in 2004: Understanding Regulation. ấn phẩm do Ngân hàng Thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế và NXB Oxford ấn hành, trang xiii & xvi

3. Tính không tiên liệu tr-ớc đ-ợc khi thực hiện các thủ tục

Tính không tiên liệu tr-ớc của thủ tục hành chính thể hiện ở việc nhà đầu t- khi nộp hồ sơ tiến hành một thủ tục hành chính không biết tr-ớc đ-ợc là họ có thể thành công không, sẽ còn có thủ tục nào phát sinh thêm hay không? Chi phí ra sao? Nếu thành công thì khi nào xong?

Nhiều tr-ờng hợp, nhà đầu t- cũng mất nhiều thời gian và công sức chuẩn bị tài liệu trong hồ sơ bởi những thủ tục phát sinh, không l-ờng tr-ớc hoặc phải chuẩn bị những giấy tờ không cần thiết. Ví dụ công chứng giấy tờ, bao gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ gia đình, nên mặc dù là cá nhân (ch-a lập gia đình), thì phòng công chứng vẫn yêu cầu phải về địa ph-ơng nơi th-ờng trú để làm giấy xác nhận hộ độc thân. Riêng việc xác nhận hộ độc thân cũng không đơn giản, nhiều khi cũng phải mất vài ngày. Để có đ-ợc “giấy xác nhận hộ độc thân”, ng-ời xin xác nhận cũng phải cần đến 4 con dấu và chữ ký, đó là xác nhận của cơ quan nơi công tác, xác nhận của tổ dân phố nơi sinh sống, xác nhận của cơ quan công đoàn và cuối cùng là xác nhận của UBND ph-ờng.

Thông th-ờng mỗi thủ tục hành chính yêu cầu có một bộ hồ sơ. Tuy nhiên, để có đ-ợc mỗi loại giấy tờ trong hồ sơ đó, ng-ời nộp hồ sơ nhiều khi lại phải thực hiện một thủ tục hành chính nữa. Kết quả là thủ tục phát sinh thủ tục. Rất nhiều tr-ờng hợp, tài liệu đ-ợc yêu cầu đó không thể có đ-ợc tr-ớc đ-ợc.

Hệ quả của hiện t-ợng này là không tạo tâm lý yên tâm cho nhà đầu t-, khuyến khích nhà đầu t- vi phạm pháp luật hoặc khi đã “chót” thực hiện thủ tục hành chính thì th-ờng cố hoàn thành kể cả bằng chi phí bổ sung, tạo d- địa cho sự tham nhũng. Sự không ổn định, tiên liệu tr-ớc đ-ợc của thủ tục hành chính có thể là nguyên nhân hoạt động không hiệu quả, ổn định và phá sản doanh nghiệp.

Quy định phức tạp, nhiều thủ tục đôi khi mang lại kết quả ng-ợc lại so với mục tiêu đặt ra. Cá nhân giàu có và có quan hệ hoàn toàn có thể tránh đ-ợc sự phức tạp của quy định và thậm chí đó lại chính là quy định bảo hộ họ, ngăn cản cá nhân khác gia nhập thị tr-ờng. Chính những quy định phức tạp đã khuyến khích doanh nghiệp hoạt động phi chính thức⁸⁴.

Hộp 8

Hộp 5. Cấp điện - Chuyện thật Nh- ùa!

Để có điện phục vụ hoạt động kinh doanh doanh nghiệp cũng cần có điện. Để có điện, tr-ớc hết doanh nghiệp phải hợp đồng với Sở Điện lực để kéo điện vào địa điểm kinh doanh. Để kéo điện thì cần có mặt bằng và phải đ-ợc sự đồng ý của UBND huyện, và do đó, doanh nghiệp lại phải lên huyện. Tuy nhiên, UBND huyện không đồng ý về mặt bằng để chôn cột kéo điện với lý do là UBND huyện không có thẩm quyền phê duyệt dự án về điện và cho rằng việc này thuộc Sở Xây dựng. Doanh nghiệp tiếp tục hành trình lên Sở Xây dựng. Sở Xây dựng không đồng ý với thiết kế đ-ờng dây điện của Sở Điện lực vì lý do thiết kế đó không hợp lý và yêu cầu phải thiết kế lại theo quy hoạch 2010. Nếu thiết kế theo quy hoạch đó, thì một số cột điện sẽ phải chôn vào nhà dân. Do đó, doanh nghiệp sẽ phải tính đến ph-ơng án theo gợi ý của Sở là mua nhà dân để chôn cột điện.

Sau một thời gian dài, thì cuối cùng, doanh nghiệp đ-ợc phép chôn cột điện dọc theo đ-ờng giao thông mà không phải mua thêm đất của dân.

(Ghi chép tại biểu làm việc với một bệnh viên t- nhân tại Châu Đốc, An Giang)

84 Việc đơn giản hoá thủ tục hành chính trong kinh doanh có thể sẽ khuyến khích hộ kinh doanh cá thể chuyển lên doanh nghiệp.

4. Hạn chế của quy định d-ới luật và văn bản không phải luật

Đây là các lệnh miệng tạm ngừng ĐKKD đối với một số ngành nghề không cấm kinh doanh⁸⁵. Hiện t-ợng này đã làm cho môi tr-ờng đầu t- trở nên méo mó, không thống nhất trong toàn quốc. T- duy không biết quản lý thì tốt nhất là cấm, tạm ngừng cần phải đ-ợc xoá bỏ. Trên thực tế, cách t- duy này có thể tạo ra bất công bằng trong hoạt động kinh doanh, tạo sự độc quyền và làm tăng chi phí kinh doanh không cần thiết.

Hộp 9

Đặt đồ giấy phép kinh doanh dịch vụ Internet

Việc dừng đăng ký kinh doanh dịch vụ Internet đến hết năm 2005 đã phát sinh tiêu cực tại thành phố Hồ Chí Minh. Giá sang nh-ợng giấy phép ĐKKD dịch vụ đại lý Internet tăng vọt lên đến 35 triệu đồng, tùy từng quận: Quận 3 giá 30 triệu, Quận 1, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp giá 35 triệu.

Nguồn: VnMedia (www.vnmedia.vn), ngày 26/05/2005

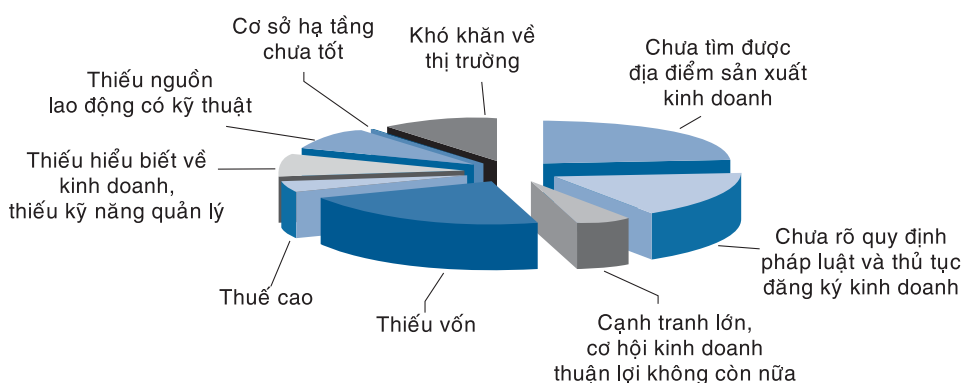
5. Thiếu sự phối hợp của cơ quan quản lý nhà n-ớc

Hiện t-ợng phổ biến là doanh nghiệp phải chuẩn bị nhiều bộ hồ sơ (nhiều tr-ờng hợp t-ợng tự nhau) để nộp cho các cơ quan nhà n-ớc khi tiến hành thủ tục hành chính. Cách quản lý cắt khúc nh- hiện nay đã làm cho doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian đến “gõ” cửa từng cơ quan quản lý nhà n-ớc để thực hiện các yêu cầu của họ. D-ờng nh- đã thành một thói quen doanh nghiệp sẽ phải cung cấp bất kỳ thông tin gì mà cơ quan nhà n-ớc cần mặc dù cơ quan đó có thể có đ-ợc thông tin đó dễ dàng hơn, ít tốn kém hơn nếu có sự phối hợp giữa các cơ quan nhà n-ớc.

Hậu quả là doanh nghiệp thì mất thời gian và chi phí đi lại, còn cơ quan nhà n-ớc vẫn không thể thực hiện đ-ợc chức năng quản lý nhà n-ớc thống nhất, hiệu quả. Quản lý nhà n-ớc vẫn phân tán, chia cắt và thực tế là hoàn toàn không hiệu quả, không ngăn ngừa đ-ợc kẻ gian mà ng-ợc lại gây khó khăn cho ng-ời ngay. Thực tế cho thấy ai muốn vi phạm pháp luật lại không khó khăn để hoàn tất các thủ tục hành chính.

6. Quy định pháp luật phức tạp, thay đổi nhiều

Hình 14: Các cản trở thực hiện ý t-ởng kinh doanh



85 Xem phần I

Có quá nhiều quy định nên doanh nghiệp không thể biết hết được, thậm chí ngay cả cơ quan nhà nước cũng không biết hết được. Ngay cả cơ quan ĐKKD là cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn doanh nghiệp về ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì cũng không thể biết rõ hiện có bao nhiêu ngành nghề kinh doanh có điều kiện và điều kiện đó là gì. Kết quả khảo sát cho thấy việc chi trả quy định pháp luật và thủ tục ĐKKD được coi là rào cản lớn thứ ba đối với thực hiện ý tưởng kinh doanh (xem hình 14), lớn hơn so với các yếu tố khác như thiếu kỹ năng quản lý, thiếu nguồn lao động, khó khăn về thị trường...

Tình trạng cấp phép hiện nay đáng báo động. Việc thiếu một tiêu chuẩn cụ thể để là căn cứ khi ban hành giấy phép đã dẫn đến việc ban hành giấy phép một cách tùy tiện. Khi giấy phép được ban hành thì cũng khó có thể đánh giá được là có đạt mục tiêu đề ra không. Nhiều cơ quan khi ban hành giấy phép thường dựa vào những lý do bảo vệ người tiêu dùng, an ninh quốc phòng, thu ngân sách hay để nắm bắt thông tin phục vụ phát triển kinh tế. Thực tế đã chỉ ra rằng việc cấp phép không thể đảm bảo được các mục tiêu nói trên.

Tính hay thay đổi của quy định pháp luật góp phần làm cho môi trường đầu tư không ổn định, không khuyến khích được nhà đầu tư đầu tư có chiều sâu và định hướng làm ăn lâu dài. Do đó, tâm lý làm ăn “chộp giật” vô tình lại được khuyến khích và gia tăng.

7. Thái độ không thân thiện của chính quyền đối với doanh nghiệp

Sự không thân thiện của chính quyền thường dẫn đến hệ quả là doanh nghiệp không an tâm kinh doanh. Thay vì phát huy ý tưởng sáng tạo, họ quay ra lo sợ và tìm cách đối phó với chính quyền.

Thái độ của cơ quan nhà nước luôn luôn cho rằng doanh nghiệp là vi phạm pháp luật, là kinh doanh lừa đảo, trốn thuế... và do đó, tìm mọi cách soi mói doanh nghiệp thay vì hướng dẫn giúp đỡ doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật. Thậm chí có nơi cố tình giải thích sai pháp luật hoặc áp dụng cứng nhắc để hành doanh nghiệp.

Điều này ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và tạo thành yếu tố cản trở lớn cho phát triển. Một số nghiên cứu gần đây cũng cho thấy kết quả tương tự⁸⁶. Ví dụ, Hà Tây là một tỉnh có vị trí địa lý rất thuận lợi cho phát triển kinh doanh, nhưng lại thực tế lại kém phát triển và được đánh giá là có môi trường kinh doanh kém cạnh tranh nhất.

II. Kiến nghị

Các phát hiện cho thấy có nhóm nguyên nhân của những bất cập như phân tích. Nhóm thứ nhất là do chất lượng yếu kém của những quy định pháp luật. Nhóm nguyên nhân thứ hai liên quan đến hoạt động của bộ máy chính quyền hay cụ thể hơn là sự yếu kém về trang thiết bị, trình độ của cơ quan chính quyền, thái độ hành xử chi trả đúng mực của cán bộ thực thi pháp luật. Do đó, chúng tôi kiến nghị hai nhóm giải pháp tương ứng.

1. Thay đổi các quy định, chính sách hiện hành

1.1 Công khai hoá ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Chính phủ cần tập hợp và công bố công khai để mọi doanh nghiệp, cá nhân có thể biết danh mục, bao gồm:

⁸⁶ VNCI-VCCI (2005).

- Danh mục ngành nghề cấm kinh doanh;
- Danh mục ngành nghề kinh doanh cần chứng chỉ hành nghề và điều kiện, trình tự thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề đó;
- Danh mục ngành nghề kinh doanh cần giấy phép và điều kiện và trình tự thủ tục cấp các giấy phép đó;
- Danh mục ngành nghề kinh doanh cần điều kiện kinh doanh và các điều kiện kinh doanh cụ thể đối với từng ngành nghề đó.

Danh mục này phải được định kỳ 1 năm xem xét lại hoặc được xem xét lại theo yêu cầu của cá nhân hoặc doanh nghiệp khi phát sinh bất hợp lý.

1.2. Xây dựng ph-ơng pháp luận về giấy phép và định nghĩa rõ ràng về giấy phép

Cần có một nghiên cứu tổng thể, chi tiết đánh giá lại toàn bộ hệ thống giấy phép và điều kiện kinh doanh để xây dựng một ph-ơng pháp luận về giấy phép thống nhất. Việc ban hành giấy phép phải dựa trên 8 nguyên tắc sau đây:

- i. Chỉ áp dụng cho các hoạt động kinh doanh mà việc cấp phép là điều kiện cần và đủ để đạt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, cần xác định rõ tính cần thiết và mục tiêu cấp phép ngay trong quy định về giấy phép. Các quy định về giấy phép cần phải đi qua một quy trình cụ thể để được ban hành, trong đó một trong các thủ tục bắt buộc là giải trình đầy đủ mục tiêu, dự báo tác động (về mặt lợi ích và chi phí) của loại hình giấy phép đó⁸⁷.
- ii. Không nên đặt mục tiêu cấp phép nhằm bảo vệ người tiêu dùng và thu ngân sách. Nếu không thì sẽ phải quy định cụ thể ngay trách nhiệm của người cấp phép (cơ quan cấp phép) đối với sản phẩm hoặc dịch vụ đã được cấp phép khi không đáp ứng yêu cầu đặt ra. Không được dùng cơ chế cấp phép để thực hiện chức năng khác như cung cấp thông tin và kiểm soát.
- iii. Thiết lập một cơ quan chuyên trách cấp phép và đồng thời quy định rõ trách nhiệm đối với thiệt hại xảy ra do việc cấp phép.
- iv. Nghiêm cấm cơ quan nhà nước áp dụng thêm các yêu cầu cấp phép và phải quy định một cách rõ ràng, cụ thể các yêu cầu cấp phép trong Luật Doanh nghiệp.
- v. Cần phải quy định ngay trong Luật chứ không phải quy định dưới luật các nguyên tắc cấp phép, tiêu chí để cấp phép, từ chối cấp phép. Những tiêu chí này phải được xác định một cách rõ ràng, cụ thể để tránh việc giải thích một cách tùy tiện. Tránh việc áp đặt thêm các điều kiện, cấp phép phải được sử dụng nhằm xác nhận sự tuân thủ các quy định của luật.
- vi. Điều kiện cấp phép phải được quy định một cách hợp lý và có thể thực hiện được trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh đòi hỏi giấy phép;
- vii. Bãi bỏ thời hạn của giấy phép

⁸⁷ Có thể áp dụng một số công cụ như Đánh giá Dự báo Tác động Pháp luật (RIA), coi đó là yêu cầu bắt buộc đối với việc ban hành một văn bản pháp luật quy định về giấy phép kinh doanh. Tham khảo thêm về các công cụ này tại www.sme-gtz.org.vn và www.sme.com.vn.

viii. Tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc *công dân đ-ợc phép làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm*. Do đó cần quy định các hoạt động bị cấm thay vì quy định các hoạt động đ-ợc phép.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế “xã hội hóa giấy phép”. Cần phân biệt giấy phép với điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề và các loại giấy xác nhận. Sự khác biệt ở đây là sự thừa nhận giá trị pháp lý của chứng chỉ hành nghề và giấy xác nhận do tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp t- nhân cấp (không nhất thiết phải do nhà n-ớc cấp).

Lợi ích của việc thừa nhận giá trị pháp lý chứng chỉ hành nghề, các loại giấy xác nhận đủ điều kiện do tổ chức, hiệp hội chuyên ngành cấp là tạo sự linh hoạt hơn, làm nhẹ tâm lý xin phép, tăng trách nhiệm ng-ời cấp phép do đó, tăng hiệu lực của các loại giấy này, đồng thời giảm công việc của cơ quan nhà n-ớc để tập trung vào công tác hậu kiểm.

1.3. Xây dựng ph-ơng pháp luận áp dụng thống nhất về quy hoạch

Cần ban hành ngay quy định về quy hoạch nhằm tạo cách hiểu thống nhất về quy hoạch, căn cứ thống nhất để xây dựng quy hoạch, tránh tr-ờng hợp quy hoạch tràn lan, quy hoạch thay đổi th-ờng xuyên, các quy hoạch vênh nhau, sử dụng quy hoạch nh- một công cụ hạn chế kinh doanh và vạ lợi.

Về quy hoạch sử dụng đất, UBND các tỉnh cần công bố công khai, rộng rãi quy hoạch mặt bằng cho doanh nghiệp thuê làm văn phòng, xây dựng nhà x-ởng sản xuất. Đồng thời, công bố công khai các quyền và nghĩa vụ đối với từng quy hoạch mặt bằng đó để doanh nghiệp biết tr-ớc khi quyết định.

1.4. Cải cách thủ tục ĐKKD, cấp mã số thuế, mua hoá đơn, khắc dấu

Cải cách ngay thủ tục khắc dấu, cấp mã số thuế và mua hoá đơn, theo h-ớng *đơn giản hoá thủ tục tự in hoá đơn. Bãi bỏ thủ tục mua hóa đơn lần đầu*.

Hợp nhất ba thủ tục ĐKKD, xin mã số thuế và khắc dấu. Đồng thời, thống nhất số ĐKKD và mã số thuế làm một. Thủ tục hợp nhất này cần đ-ợc thực hiện nh- sau:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh khi gửi lên cơ quan ĐKKD, đồng thời đ-ợc gửi sang cơ quan thuế, hải quan và công an xem xét tr-ớc. Khi doanh nghiệp đ-ợc cấp giấy chứng nhận ĐKKD thì cơ quan ĐKKD đồng thời gửi bản sao giấy chứng nhận ĐKKD sang cơ quan công an, hải quan và thuế. Sau đó:
- Doanh nghiệp sẽ mang bản chính giấy chứng nhận ĐKKD lên cơ quan thuế để khai đăng ký mã số thuế và nhận sổ mua hóa đơn. Doanh nghiệp có thể mua hóa đơn ngay sau đó. Nếu doanh nghiệp tự in hoá đơn, thì doanh nghiệp chỉ phải mang mẫu hoá đơn tự in lên đăng ký với cơ quan thuế.
- Trong quá trình ĐKKD doanh nghiệp có thể tiến hành khắc dấu. Khi cần sử dụng doanh nghiệp mang mẫu dấu đến đăng ký với cơ quan công an.

Với quy trình mô tả nh- trên, về nguyên tắc, doanh nghiệp có thể hoàn tất việc đăng ký mã số thuế, mua hóa đơn và có dấu để sử dụng trong ngày đ-ợc cấp đăng ký kinh doanh. Quy trình này nếu đ-ợc áp dụng có một số điểm lợi sau đây:

- Tăng cường hơn sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, nhờ đó quản lý nhà nước thống nhất hơn, có hiệu lực hơn.
- Nhờ có sự phối hợp giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan công an từ khi ĐKKD nên có thể loại bỏ được ngay từ đầu hiện tượng người bị cấm thành lập doanh nghiệp vẫn thành lập doanh nghiệp được.
- Với quy trình đăng ký nói trên, tăng cường tính chủ động của doanh nghiệp nhờ thủ tục đăng ký đơn giản hơn và có thể tiên liệu trước được.
- Hiệu lực quản lý nhà nước cũng không giảm xuống, mà có thể nói được tăng cường hơn và có sự thống nhất hơn.

Tất cả quy trình này, trước mắt có thể thực hiện ngay được bằng một thông tin liên tịch giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Công an hướng dẫn về ĐKKD, cấp mã số thuế, mã số hải quan, khắc dấu và mua hoá đơn. Tuy nhiên, về lâu dài, quy trình này cần được quy định bằng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là luật.

1.5. Đơn giản hoá thủ tục thuê đất, giao đất và xây dựng nhà xưởng

Về thủ tục lập dự án xin thuê đất hoặc giao đất và xây dựng nhà xưởng cần đơn giản hoá theo hướng bãi bỏ toàn bộ căn cứ để cho thuê đất, giao đất và xây dựng nhà xưởng như hiện nay, thay vào đó là các căn cứ sau:

- Bảo vệ môi trường: nghĩa là doanh nghiệp phải cam kết đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- Việc xây dựng nhà xưởng phải đảm bảo an toàn, không làm ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng, ảnh hưởng đến cảnh quan, di sản văn hoá, kiến trúc khu vực (ví dụ: phố cổ, nơi có danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, di sản văn hoá). Các điều kiện này được công bố công khai để mọi doanh nghiệp biết và thực hiện.

Bên cạnh đó, cơ chế đấu thầu về cơ bản phải được thay thế cho cơ chế xét duyệt như hiện nay.

2. Nâng cao năng lực quản lý của bộ máy chính quyền

2.1. Hoàn thiện hệ thống cơ quan ĐKKD

Xây dựng một hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh độc lập, được tổ chức thống nhất, ngành dọc, được trang bị hiện đại và đầy đủ phương tiện hoạt động. Xây dựng được một hệ thống thông tin doanh nghiệp toàn quốc, thường xuyên cập nhật cùng với quá trình đăng ký kinh doanh và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh. Hơn thế nữa, hệ thống thông tin doanh nghiệp này phải có thể truy cập được với một mức phí không quá cao. Thông qua hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh hiện đại, doanh nghiệp có thể đăng ký kinh doanh và những thay đổi nội dung ĐKKD một cách kịp thời, hiệu quả thông qua mạng Internet.

Chức năng chính của cơ quan đăng ký kinh doanh nên tập trung vào (i) đăng ký kinh doanh, (ii) hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật; (iii) cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho các bên có nhu cầu, và (iv) bảo hộ tên doanh nghiệp trên toàn quốc.

2.2. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước

Tình trạng hiện nay các cơ quan nhà nước hoạt động tương đối cục bộ, đơn lẻ, thậm chí nhiều nơi còn mang tính bất hợp tác. Việc tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước theo nguyên tắc sau đây:

- Hệ thống pháp luật phải minh bạch, rõ ràng, quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ.
- Hiện đại hoá bộ máy quản lý nhà nước, nối mạng giữa các cơ quan nhà nước.
- Quy định việc rõ trách nhiệm cung cấp thông tin, trách nhiệm và thời hạn phải trả lời khi được hỏi ý kiến.
- Áp dụng cơ chế một cửa.

2.3. Xây dựng chính quyền thân thiện với dân

Để có thể xây dựng một chính quyền thân thiện với doanh nghiệp, thì trước hết phải làm được những việc sau đây:

Phải đảm bảo một cơ chế tương đối phù hợp, ít nhất cũng phải đủ trang trải cho cuộc sống cho những người làm việc trong bộ máy chính quyền.

Kiểm chế hành vi trục lợi; thực thi pháp luật một cách công minh, công bằng, không phân biệt đối xử. Tạo dựng sự tin cậy cho đội ngũ doanh nghiệp. Điều này chỉ có thể làm được nếu trước hết chính quyền phải tin vào dân, thay đổi tư duy “bắt lỗi” doanh nghiệp bằng tư duy “hướng dẫn, giúp đỡ” doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật.

2.4. Kiến nghị nghiên cứu bổ sung

Cần có thêm các nghiên cứu thêm về ảnh hưởng quy định pháp luật trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp (giai đoạn sau khởi nghiệp), bao gồm nội dung:

- Thuê lao động.
- Đăng ký quyền tài sản.
- Cơ chế đảm bảo thực hiện giao kết (hợp đồng) trong kinh doanh.
- Tín dụng, bao gồm thông tin tín dụng, bảo vệ chủ nợ, thị trường tín dụng...
- Vai trò tòa án trong xét xử các tranh chấp trong tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, hợp đồng.
- Pháp luật về thuế
- Rút khỏi thị trường, bao gồm giải thể, phá sản, cơ cấu lại doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Cung (2004). Thời Điểm cho Sự Thay đổi: Đánh giá Luật Doanh nghiệp và Khuyến nghị. CIEM, GTZ, UNDP.
2. Báo Thể thao Ngày nay, thứ Năm ngày 13/1/2005
3. CIEM, VISSION & Associates-GTZ (2005): Khảo sát Môi trường Kinh doanh 7 tỉnh An Giang, H-nh Yên, Hà Tây, Hà Nam, Lào Cai, Đắk Lắk, Quảng Nam
4. Công văn 1246/TCT-NV6 ngày 8 tháng 4 năm 2003 của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc đăng ký thuế và sử dụng hóa đơn
5. Đề nghị Rút ngắn Thời gian Cấp phép Thành lập Doanh nghiệp mới; www.vnexpress.net, ngày 20/2/2004
6. Doing Business in 2004: Understanding Regulation; a copublication of the World Bank, the International Financial Corporation and Oxford University Press.
7. Doing Business in 2005: Removing obstacles to growth; a copublication of the World Bank, the International Financial Corporation and Oxford University Press.
8. Khắc dấu cho Coanh nghiệp: Thủ tục Phiền hà; Báo Diễn đàn Doanh Nghiệp điện tử. (www.dddn.com.vn81webplusviewer.aspx?gid=4&aid=1094.htm)
9. 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc Hội n-ớc Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Xây dựng.
10. Luật Doanh nghiệp năm 1999
11. Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7 tháng 2 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu t-xây dựng công trình
12. Nghị định 209/2004/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất l-ợng công trình.
13. Nghị định 58/2001/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu
14. Nghị định 89/2002/NĐ-CP ngày 7 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về in, phát hành, sử dụng và quản lý hóa đơn
15. Quyết định 1284/2002/QĐ-NHNN2 ngày 21/11/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà n-ớc Việt nam
16. Quyết định 18/2003/QĐ-BXD ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Bộ tr-ởng Bộ Xây dựng về ban hành Quy định quản lý chất l-ợng công trình xây dựng.
17. Quyết định 19/2003/QĐ-BXD ngày 3 tháng 7 năm 2003 của Bộ tr-ởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định điều kiện năng lực hoạt động xây dựng

18. Quyết định 23/2000/QĐ-BXD ngày 13 tháng 11 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình.
19. Quyết định 233/QĐ-UB ngày 11/5/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành các quy định về trình tự, thủ tục hồ sơ đối với doanh nghiệp đến sản xuất kinh doanh tại Lào Cai
20. Quyết định 75/1998/QĐ-TTg ngày 4 tháng 4 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về mã số đối tượng nộp thuế
21. Tài liệu ghi chép của nhóm khảo sát trong quá trình làm việc tại 7 tỉnh: An Giang, H-nh Yên, Hà Tây, Hà Nam, Lào Cai, Đắc Lắc và Quảng Nam
22. Tài liệu hội thảo “Mua Hóa đơn: Những Vấn đề và Kiến nghị Giải quyết”, VCCI.
23. Thông t- 120/2002/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 89/2002/NĐ-CP.
24. Thông t- 78/2002/TT-BTC ngày 11/9/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ là lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.
25. Thông t- 80/2004/TT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định 75/1998/QĐ-TTg.
26. Thông t- 99/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông t- 120/2002/TT-BTC.
27. Thông t- liên tịch 07/2002/TTLT-BCA-TCCB ngày 6 tháng 5 năm 2002 của Bộ Công an và Ban Tổ chức Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định 58/2001/NĐ-CP.
28. Thông t- liên tịch 09/1999/TTLT-BXD-TCDC ngày 10 tháng 11 năm 1999 của Bộ Xây dựng và tổng cục địa chính hướng dẫn cấp giấy phép xây dựng (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông t- 03/2000/TT-BXD ngày 25 tháng 5 năm 2000 của Bộ Xây dựng)
29. Tôi đi Mua Hóa đơn; www.vietnamnet.vn, ngày 16/9/2004
30. VCCI-Asian Foundation (2004): Doanh nghiệp và việc Hoàn thiện Môi trường Pháp lý trong Kinh doanh
31. VNCCI-VCCI (2005): Chỉ số Năng lực Cạnh tranh cấp tỉnh về Môi trường Kinh doanh ở Việt Nam.
32. “Xóa Rào cản cho Nhà Đầu t- Khởi nghiệp: Bao giờ?”, Vietnamnet (www.vietnamnet.vn), ngày 25/2/2004
33. “Ý kiến Doanh nghiệp về Hóa đơn Kinh doanh” Báo diễn đàn doanh nghiệp (www.dddn.com.vnwebplusviewer.aspx?gid=5&aid=559).

Chuyên đề Kinh tế

Vài nét về “Nghiên cứu Chuyên đề Kinh tế” tại Việt Nam

“Nghiên cứu Chuyên đề kinh tế” được ấn hành bởi Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa trong khuôn khổ Hợp tác Phát triển Việt Đức.

Mục tiêu của Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa là cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân và cải thiện vị thế thị trường của các doanh nghiệp này, đặc biệt là tại các tỉnh nằm ngoài trung tâm phát triển chính. Chương trình có bốn lĩnh vực hoạt động (cấu phần) chính, bao gồm: (i) Chính sách DNNVV/ Môi trường Đầu tư - Kinh doanh; (ii) Phát triển Kinh tế Địa phương; (iii) Khả năng Cạnh tranh của một số Ngành được Lựa chọn; và (iv) Thử nghiệm Vật liệu và Dịch vụ Kỹ thuật Tiên tiến. Chương trình được thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ), Cục Phát triển DNNVV của Bộ Kế hoạch Đầu tư, và một mạng lưới các đối tác trong khu vực nhà nước và tư nhân ở cấp trung ương và địa phương.

“Nghiên cứu Chuyên đề Kinh tế” đề cập tới các vấn đề liên quan tới môi trường kinh doanh và đầu tư cho DNNVV trong khu vực tư nhân. Chúng được thực hiện trên cơ sở hợp tác giữa Chương trình Phát triển DNNVV, các đối tác của chương trình, và thường là với sự hợp tác của các nhà tài trợ và tổ chức khác. Cho tới nay đã xuất bản những nghiên cứu sau:

- **Nghiên cứu Chuyên đề Kinh tế 1:** Nâng cao Chất lượng Luật Kinh tế: Đánh giá nhanh Khả năng của Việt Nam và Giới thiệu Thông lệ Quốc tế; Hà Nội 2005. GTZ/PMRC/UNDP (bằng tiếng Anh và tiếng Việt)
- **Nghiên cứu Chuyên đề Kinh tế 2:** Đánh giá Dự báo Tác động Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư chung: Thay thế Cơ chế Cấp phép Đầu tư Hiện tại Bằng Hệ thống Đăng ký áp dụng đối với các nhà Đầu tư nước ngoài; Hà Nội, 2005. GTZ/PMRC/UNDP (bằng tiếng Việt)
- **Nghiên cứu Chuyên đề Kinh tế 3:** Từ ý tưởng Kinh doanh tới Hiện thực: Chặng đường Gian nan; Hà Nội, 2005. GTZ/CIEM (bằng tiếng Anh và Tiếng Việt).

gtz



Federal Ministry
for Economic Cooperation
and Development

Văn phòng GTZ Hà Nội

Tầng 6, Hanoi Towers
49 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 934 4951
Fax: (84-4) 934 4950

E-Mail: gtz-vietnam@gtz.de
office.sme@gtz-vietnam.com.vn

Website: www.gtz.de/vietnam
www.sme-gtz.org.vn

CIEM

Viện Quản lý Kinh tế Trung ương

68 Phan Đình Phùng, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 843 7461

Fax: (84-4) 845 6795

Email: president@ciem.org.vn

Website: www.ciem.org.vn